

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở:.....	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	17
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở:	17
5.1.1. Các hạng mục công trình chính:	18
5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở:	21
5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:.....	25
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở:.....	26
5.3. Nhu cầu lao động	27
5.4. Sơ đồ tổ chức hoạt động của bệnh viện	28
Chương II	29
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	29
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	29
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	32
Chương III.....	34
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	34
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	34
1.1 Thu gom, thoát nước mưa:.....	34
1.2 Thu gom, thoát nước thải	35
1.3 Xử lý nước thải:	40
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	45
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	49
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	54
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	61
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	62
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	66

Chương IV	75
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	75
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	75
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	79
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	81
4. Quản lý chất thải	83
Chương V.....	87
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	87
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	87
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	87
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	89
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	90
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở	92
Chương VI.....	93
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	93
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở	93
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	93
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	93
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	93
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở.	93
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	94
CHƯƠNG VII	95
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	95
PHỤ LỤC BÁO CÁO	97

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
HĐ	Hợp đồng
KPH	Không phát hiện
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QH	Quốc hội
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TT-BTNMT	Thông tư Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Danh mục nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở.....	10
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện năm 2024 của cơ sở.....	12
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện 04 tháng đầu năm 2025 của cơ sở	12
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika	13
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa.....	14
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh	14
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024 của cơ sở	15
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 1/2025 đến tháng 5/2025 của cơ sở	15
Bảng 1. 9. Nhu cầu xả nước thải từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024 tại Cơ sở	16
Bảng 1. 10. Nhu cầu xả nước thải từ tháng 1/2025 đến tháng 5/2025 tại Cơ sở	16
Bảng 1. 11. Quy hoạch sử dụng đất cho các hạng mục thuộc cơ sở.....	18
Bảng 1. 12. Chức năng của công trình của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika.....	18
Bảng 1. 13. Chức năng của công trình của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa	19
Bảng 1. 14. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.....	25
Bảng 1. 15. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika	26
Bảng 1. 16. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa	26
Bảng 1. 17. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở	27
Bảng 2. 1. Toạ độ ranh giới khu vực của cơ sở	31
Bảng 3. 1. Tổng hợp thông số kỹ thuật các bể tự hoại, bể tách mỡ.....	38
Bảng 3. 2. Danh mục thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải	43
Bảng 3. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT	43
Bảng 3. 4. Hóa chất, vật liệu sử dụng của HTXLNT	44
Bảng 3. 5. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024.....	44
Bảng 3. 6. Kết quả quan trắc nước thải Quý 1, Quý 2 năm 2025.....	45
Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc khí thải máy phát điện dự phòng 06 tháng đầu năm 2024 ..	48
Bảng 3. 8. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh cao nhất	50
Bảng 3. 9. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.....	52
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	53
Bảng 3. 11. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	53
Bảng 3.12. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh	54
Bảng 3. 13. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	58

Bảng 3. 14. Khối lượng chất thải lây nhiễm phát sinh	59
Bảng 3. 15. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXL nước thải	67
Bảng 3. 16. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	72
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải....	76
Bảng 4. 2. Vị trí, phương thức xả khí thải của từng nguồn phát sinh.....	80
Bảng 4. 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	81
Bảng 4. 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.....	82
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022.....	87
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023.....	88
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2022	89
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2023	89

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Quy trình hoạt động tại bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika	7
Hình 1.2. Quy trình hoạt động tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa	8
Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh	28
Hình 2. 1. Vị trí cơ sở trên Google Map	32
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	34
Hình 3. 2. Hồ ga đầu nối nước mưa tại Cơ sở	35
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở	37
Hình 3. 4. Vị trí hố ga giám sát nước thải của cơ sở	40
Hình 3. 5. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn	41
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, công suất 20 m ³ /ngày.đêm	42
Hình 3. 7. Khu vực để máy phát điện dự phòng	47
Hình 3. 8. Vị trí máy phát điện và Ống khói máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA đặt tại căn nhà 266A	48
Hình 3. 9. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	54

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHANG MINH

– Địa chỉ văn phòng: 266A-268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A-268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

– Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **VÕ THANH ĐẠM**

+ Giới tính: Nam Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 03/02/1964 Quốc tịch: Việt Nam

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051064021662

+ Ngày cấp: 30/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

+ Địa chỉ thường trú: 254/3A Khu phố 1, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM (Nay là 254/3A Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, TP.HCM).

+ Địa chỉ liên lạc: 251 Vĩnh Viễn, phường 04, Quận 10, TP.HCM (Nay là 251 Vĩnh Viễn, phường Vườn Lài, TP.HCM).

– Điện thoại: 028 38681097; Fax: 028 38682831; E-mail: info@ykhoakyhoa.com

Website: www.ykhoakyhoa.com.

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0305309120 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 04 năm 2025 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

– Quyết định thành lập bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa số 123/KCB-HN ngày 2/2/2015 do Cục Quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế cấp.

Tên chi nhánh: **BỆNH VIỆN THẨM MỸ KỲ HÒA - MEDIKA**

– Địa chỉ thực hiện cơ sở: 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

– Người đại diện pháp luật: Ông **TRẦN NGỌC THỌ**

+ Sinh ngày: 07/07/1966 Quốc tịch: Việt Nam

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001066008465

+ Ngày cấp: 21/12/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

+ Địa chỉ thường trú: 162/B2 Điện Biên Phủ, tổ 56, phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM (Nay là 162/B2 Điện Biên Phủ, tổ 56, phường Gia Định, TP.HCM).

+ Địa chỉ liên lạc: 162/B2 Điện Biên Phủ, tổ 56, phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM (Nay là 162/B2 Điện Biên Phủ, tổ 56, phường Gia Định, TP.HCM).

– Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số dự án 0305309120-002, đăng ký lần đầu ngày 03/09/2015, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 16/01/2025 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

– Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 179/BYT-GPHĐ ngày 22/4/2022 do Bộ Y tế cấp.

Tên chi nhánh: **PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHANG MINH – TRUNG TÂM Y KHOA KỲ HÒA**

– Địa chỉ thực hiện cơ sở: 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (nay là 266A – 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

– Người đại diện pháp luật: Bà **NGUYỄN THỊ THẠCH THẢO**

+ Sinh ngày: 30/04/1975 Quốc tịch: Việt Nam

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

+ Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056175000007

+ Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

+ Địa chỉ thường trú: 166/2 Thích Quảng Đức, phường 04, Quận Phú Nhuận, TP.HCM (Nay là 166/2 Thích Quảng Đức, phường Đức Nhuận, TP.HCM).

+ Địa chỉ liên lạc: 166/2 Thích Quảng Đức, phường 04, Quận Phú Nhuận, TP.HCM (Nay là 166/2 Thích Quảng Đức, phường Đức Nhuận, TP.HCM).

– Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0305309120-001, đăng ký lần đầu ngày 27/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/12/2024 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

– Quyết định số 123/KCB-HN ngày 02/2/2015 do Cục Quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika.

– Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 00449/BYT-GPHĐ ngày 22/5/2024 do Sở Y tế TP.HCM cấp.

2. Tên cơ sở:

**“BỆNH VIỆN THẨM MỸ KỲ HÒA - MEDIKA VÀ PHÒNG KHÁM
ĐA KHOA THUỘC CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHANG MINH – TRUNG TÂM Y KHOA KỲ HÒA”**

– Địa điểm cơ sở: 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

– Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

+ Quyết định về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika số 4227/QĐ-BYT ngày 12/10/2015 do Bộ Y tế cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 827340 ngày 11/6/2013 cấp cho căn nhà số 262 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) cho ông Đặng Trường và bà Võ Thị Lụa do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 181/02 ngày 21/5/2002 cấp cho căn nhà 264 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 264 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) cho ông Phạm Duy Tân và bà Nguyễn Thị Anh do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 144184 ngày 26/01/2015 cấp cho căn nhà số 266 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) cho ông Võ Văn Lai và bà Lâm Thị Phát do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 11076/2001 cấp cho căn nhà 266A đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) cho bà Nguyễn Thị Minh Hiền do UBND TP.HCM cấp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 13963/99 cấp cho căn nhà 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) cho ông Nguyễn Văn Ngũ và bà Thái An Diệu do UBND TP.HCM cấp.

+ Hợp đồng thuê nhà giữa ông Đặng Trường và Bà Võ Thị Lụa (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ số 262 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) ký ngày 03/03/2025 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2035).

+ Hợp đồng thuê nhà giữa ông Phạm Duy Tân và bà Nguyễn Thị Anh (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 264 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 264 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) (thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2030).

+ Hợp đồng thuê nhà giữa ông Võ Văn Lai và bà Lâm Thị Phát (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 266 (số cũ 18B/9) đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 04/10/2022 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 27/10/2022 đến hết ngày 26/10/2032) (Nay là 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

+ Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Quang và bà Ngô Thị Thu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà

tại 266A đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 29/7/2016 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/6/2016 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 266A đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

+ Hợp đồng ủy quyền giữa Bà Nguyễn Thị Minh Hiền và Bà Ngô Thị Thu ngày 06/09/2023 về chủ sở hữu căn nhà 266A.

+ Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Ngũ và bà Thái An Diệu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại 268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 29/7/2016 (thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

– Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp cho địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM.

+ Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại phường 12, Quận 10, TP.HCM số 6275/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

+ Giấy xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp cho địa chỉ 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM.

+ Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp.

+ Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000953.T (cấp lần 3) ngày 15/4/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

+ Giấy xác nhận vị trí đầu nổi cống thoát nước của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh tại địa chỉ 262-264-266-266A-268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM số 361/TTCN-QLTN ngày 31/3/2015 do Trung tâm điều hành chương trình chống ngập - Ủy ban nhân dân TP.HCM.

– Quy mô của cơ sở theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Căn cứ theo khoản 1, Điều 11, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội, cơ sở có tổng vốn đầu tư là 80.000.000.000 VNĐ (Tám mươi tỷ đồng Việt Nam), thuộc tiêu chí đầu tư nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng, cơ sở thuộc cơ sở nhóm C (*cơ sở thuộc lĩnh vực y tế*)).

– Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: bệnh viện thẩm mỹ (không lưu bệnh qua đêm) và hoạt động khám chữa bệnh.

– Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Căn cứ theo STT 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP Danh mục các Dự án đầu tư nhóm III có nguy cơ xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật BVMT, trừ dự án quy định tại Phụ lục III và phụ lục IV ban hành kèm theo nghị định này. Theo khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh là chủ đầu tư của hai cơ sở, bao gồm

+ Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, hoạt động tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 (*trước đó, tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh thì Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã thực hiện hoạt động Dự án mở rộng Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa được Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp Giấy xác nhận Cam kết bảo vệ môi trường số 1599/TB-UBND ngày 27 tháng 2 năm 2013, tuy nhiên, hoạt động không hiệu quả nên ngưng hoạt động Dự án mở rộng này*).

+ Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, hoạt động tại địa chỉ 266A – 268 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh (Nay là 266A - 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp Giấy xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009 và Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp.

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải đặt tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa để xử lý tập trung, có công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý được xả vào hệ thống thoát nước đô thị trên đường 3 tháng 2, nguồn tiếp nhận là Kênh Tàu Hủ. Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh là chủ đầu tư của hai cơ sở là Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa địa chỉ hoạt động liền kề nhau tại 262 – 264 – 266 – 266A – 268, cả hai cơ sở sử dụng chung một hệ thống xử lý nước thải. Bên cạnh đó, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế và máy phát điện dự phòng cũng được bố trí tập trung tại khu vực riêng biệt của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, dùng chung cho cả hai cơ sở. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi bổ

sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều Luật bảo vệ môi trường, chủ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường chung cho 02 cơ sở.

Căn cứ theo khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường 2020 thì cơ sở “*Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa*” tại 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 – 266A - 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 cho Dự án “*Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika*” tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM và Giấy xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp cho dự án “*Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa*” tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban Nhân dân cấp Tỉnh (Ủy ban Nhân dân TP.HCM) (*Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, thẩm định theo văn bản số 821/UBND-ĐT ngày 18/3/2022 do UBND TP.HCM ban hành, Tại kỳ họp thứ 22 của HĐND TP.HCM khóa X ngày 18/4/2025, UBND TP.HCM đã trình HĐND đề nghị ban hành nghị quyết đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường (từ ngày 1-5-2025)*). Báo cáo được trình bày theo mẫu phụ lục X Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động của Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

❖ Đối với Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika:

– Công suất hoạt động:

- Số giường bệnh: 20 giường.
- Lượng bệnh nhân đến điều trị ngoại trú là 10 bệnh nhân (không lưu bệnh qua đêm).
- Số lượng cán bộ nhân viên: 40 người.
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

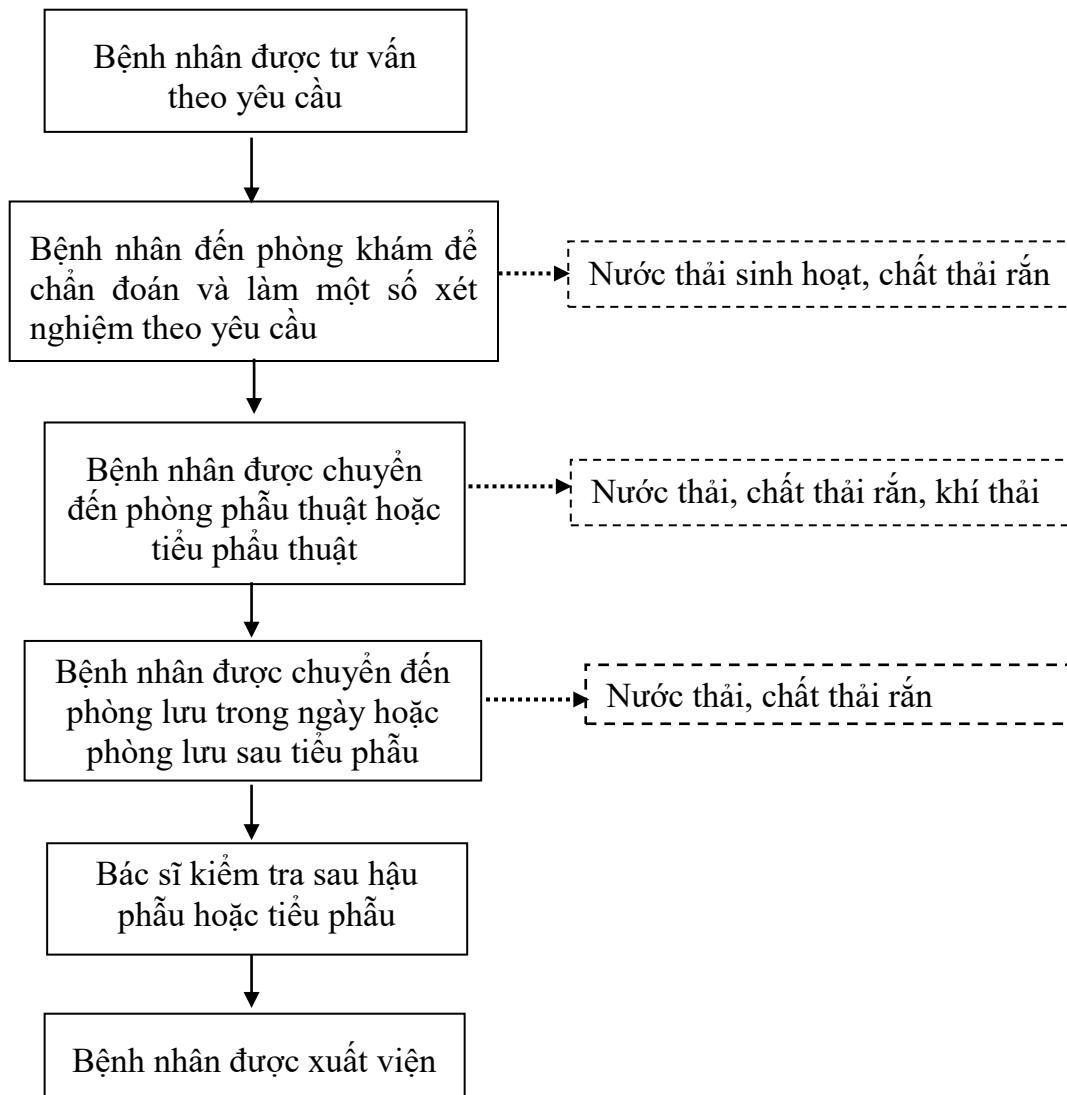
❖ Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

- Số lượng bệnh nhân được khám: 300 người/ngày.
- Số lượng nhân viên, bác sĩ, y tá: 60 người.

▪ Thời gian hoạt động: Từ 6h – 19h, riêng ngày Chủ nhật từ: 7h – 11h30, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

❖ Quy trình 1: Sơ đồ quy trình hoạt động của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika:



Hình 1.1. Quy trình hoạt động tại bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

Thuyết minh quy trình:

Bệnh nhân khi đến Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika đăng ký khám chữa bệnh ở quầy lễ tân. Sau đó sẽ được các tư vấn viên thực hiện công tác tư vấn. Các bác sĩ sẽ đưa ra các phương án để tiến hành thẩm mỹ tùy tình trạng và nhu cầu của mỗi khách hàng. Sau khi khách hàng lựa chọn dịch vụ, Bệnh nhân được chuyển đến phòng lưu trong ngày hoặc phòng lưu sau tiểu phẫu. Sau đó bác sĩ sẽ kiểm tra hậu phẫu hoặc tiểu phẫu và dặn dò bệnh nhân xuất viện (không lưu bệnh qua đêm). Tất cả quy trình khám chữa bệnh của Bệnh viện được thực hiện đúng theo quy định của ngành Y tế.

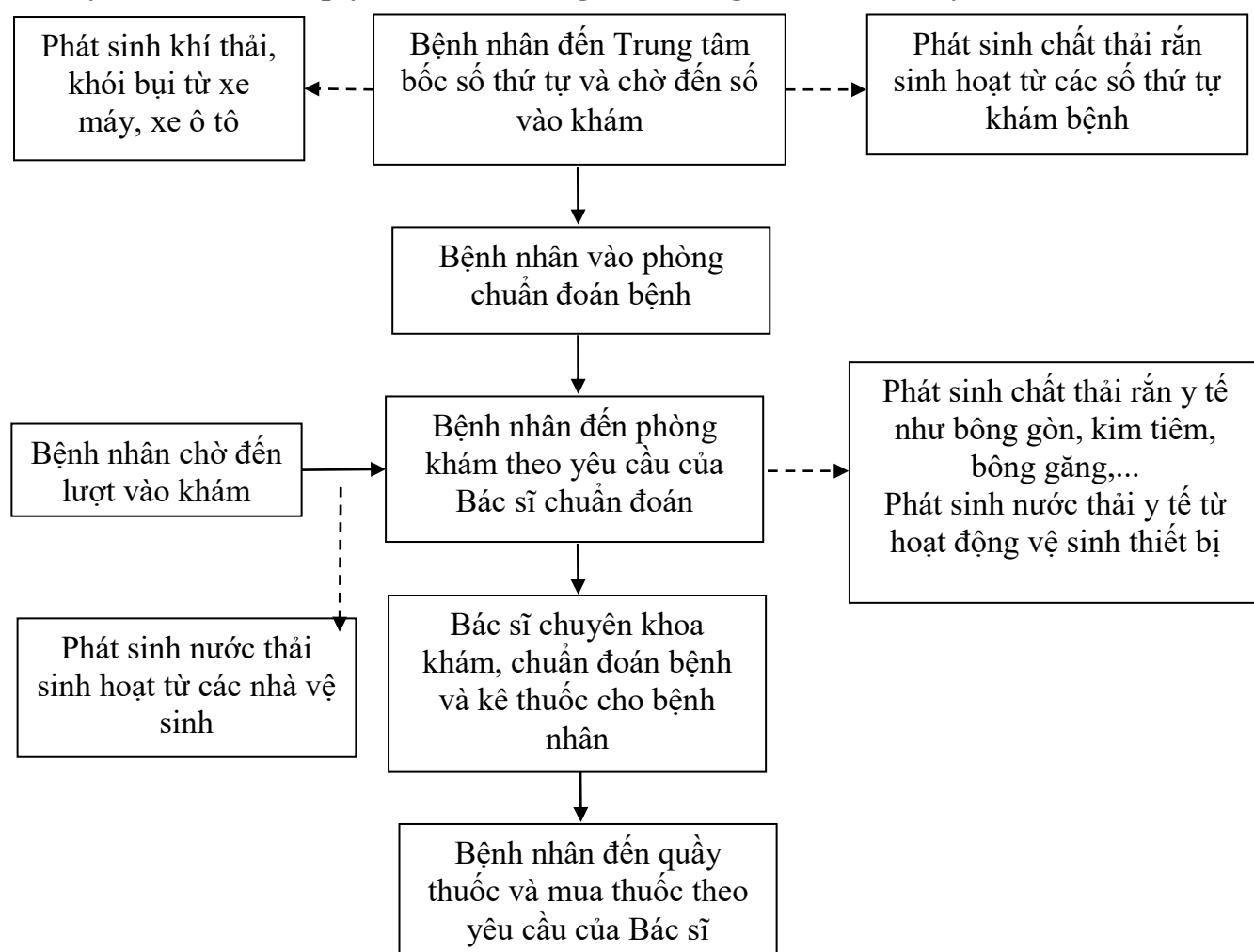
Quy trình khám sơ cấp cứu: Bệnh nhân cấp cứu đưa đến bệnh viện sẽ được y bác sĩ sơ cấp cứu, sau đó sẽ lập hồ sơ bệnh án để chuyển lên tuyến trên.

Ghi chú:

Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa (tại căn nhà số 266A – 268 đường 3 Tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP. HCM) để xử lý. Hệ thống có công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành sẽ được xả ra hệ thống thoát nước Thành phố.

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm và chất thải nguy hại phát sinh từ bệnh viện cũng được tập kết tại khu vực lưu chứa chất thải riêng biệt, được bố trí trong khuôn viên Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn môi trường và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải.

❖ Quy trình 2: Sơ đồ quy trình hoạt động của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa



Hình 1.2. Quy trình hoạt động tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

Thuyết minh quy trình:

Bệnh nhân đến Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa khám bệnh, khi vào phòng khám bệnh nhân bốc số thứ tự và chờ đến lượt vào phòng khám tổng quát để chuẩn đoán bệnh và có sự hướng dẫn cụ thể của Bác sĩ để đến phòng khám chuyên khoa để Bác sĩ chuyên khoa chuẩn đoán bệnh chính xác và đưa ra biện pháp hướng dẫn điều trị bệnh và kê đơn thuốc cho bệnh nhân.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh hoạt động của 2 Cơ sở gồm Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika với loại hình hoạt động là phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa (không lưu trú bệnh nhân qua đêm) đã được cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM hoạt động tại địa chỉ 262 – 264 – 266, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) và Phòng khám đa khoa thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh - Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa” với loại hình hoạt động là phòng khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa đã được cấp Giấy xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp hoạt động tại địa chỉ 266A – 268, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

❖ Đối với Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika:

– *Công suất hoạt động:*

- Số giường bệnh: 20 giường.
- Lượng bệnh nhân đến điều trị ngoại trú là 10 bệnh nhân (không lưu bệnh qua đêm).
- Số lượng cán bộ nhân viên: 40 người.
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

❖ Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

- Số lượng bệnh nhân được khám: 300 người/ngày.
- Số lượng nhân viên, bác sĩ, y tá: 60 người.
- Thời gian hoạt động: Từ 6h – 19h, riêng ngày Chủ nhật từ: 7h – 11h30, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

❖ *Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng phục vụ cho việc hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:*

Bảng 1. 1. Danh mục nguyên, nhiên vật liệu của cơ sở

STT	Tên thuốc	Đơn vị tính	Hãng sản xuất
A	Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika		
1	Glocuse	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
2	Urea	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
3	Creatinine	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
4	AST	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
5	ALT	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
6	GGT	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
7	Triglyceride	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
8	Cholesterol	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
9	HDL	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
10	LDL	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
11	Acid Uric	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
12	Huyết đồ	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
13	HbsAg	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
14	AntiHBs	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
15	AntiHCV	520 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
16	Cồn	30 Lít/tháng	Việt Nam
B	Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa		
B.1	Miễn dịch		
1	HBcAb	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
2	HBeAb	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
3	HBsAb	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
4	ASO	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
5	Determine HIV	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
6	HBeAg	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
7	RF	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
8	RPR	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
9	TPHA	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
10	WINDAL	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
11	TROPONIL-I	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
12	CHLAMYDIA	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
13	CPR	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
14	LH (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
15	FSH (ELISA)	300 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
16	TESTOSTERONE (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
17	AFP	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
18	HbsAg (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
19	HCV (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

20	HCG (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
21	ESTRADIOL (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
22	PSA (ELISA)	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
23	HBcAb	150 Test/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
B.2	SINH HÓA		
1	ACID URIC	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
2	ALBUMINE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
3	PHOSPHATE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
4	AMYLASE	150 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
5	BILIRUBIN	150 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
6	CHOLESTEROL	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
7	CK-NAC	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
8	CK-MB	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
9	CREATININE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
10	GAMMA GT	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
11	GLUCOSE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
12	HDL-CHOLESTEROL	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
13	LDH	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
14	PROTEIN TOTAL	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
15	SGOT	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
16	SGPT	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
17	TRIGLYCERIDE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
18	URE	75 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
B.2	Huyết học		
1	WBC	10 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
2	NOC LYSE	100 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
3	DILUENT	10 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
4	ANTI A, B, AB, D	10 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
B.3	Vi sinh		
1	COMBINA	150 ml/tháng	Abbott – Hoa Kỳ
B.4	Khác		
1	Bông	10 Kg/tháng	Việt Nam
2	Băng gạc	8 Kg/tháng	Việt Nam
3	Kim tiêm	1.000 Cái/tháng	Việt Nam
4	Găng tay	250 Hộp/tháng	Việt Nam
5	Khẩu trang	250 Hộp/tháng	Việt Nam
6	Cồn	30 Lít/tháng	Việt Nam
B.5	Nhiên liệu, hóa chất		
1	Clo dùng để khử trùng cho HTXLNT	0,2 gam/tháng	Việt Nam
2	Dầu DO dùng cho hoạt động của máy phát điện	25 lít/giờ	Việt Nam

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh)

❖ **Phế liệu sử dụng:**

Trong quá trình hoạt động cơ sở không sử dụng phế liệu.

❖ **Nguồn cung cấp điện và điện năng sử dụng:**

Nguồn cung cấp điện: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh sử dụng điện lưới quốc gia được cung cấp bởi Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH. Điện sử dụng cho mục đích chiếu sáng, hoạt động máy móc thiết bị y tế.

Theo hóa đơn điện của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh 10 tháng đầu năm 2024, nhu cầu sử dụng điện trung bình của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa và Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika là 43.405 kWh/tháng, tương đương 1.447 kWh/ngày (Hoá đơn điện đính kèm phụ lục).

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện 10 tháng đầu năm 2024 của cơ sở

STT	Thời gian	Điện năng tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 1/2024	36.752
2	Tháng 2/2024	29.924
3	Tháng 3/2024	40.010
4	Tháng 4/2024	44.474
5	Tháng 5/2024	45.905
6	Tháng 6/2024	47.097
7	Tháng 7/2024	46.072
8	Tháng 8/2024	48.425
9	Tháng 9/2024	45.310
10	Tháng 10/2024	50.083
Trung bình		43.405

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2024)

Theo hóa đơn điện của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh 04 tháng đầu năm 2025, nhu cầu sử dụng điện trung bình của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa và Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika là 45.781 kWh/tháng, tương đương 1.526 kWh/ngày (Hoá đơn điện đính kèm phụ lục).

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng điện 04 tháng đầu năm 2025 của cơ sở

STT	Thời gian	Điện năng tiêu thụ (kWh/tháng)
1	Tháng 1/2025	35.748
2	Tháng 2/2025	38.341
3	Tháng 3/2025	54.181
4	Tháng 4/2025	54.854
Trung bình tháng		45.781

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Bệnh viện có sử dụng chung 01 máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa (vị trí đặt nằm ở khuôn viên của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa).

❖ *Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước:*

– Nguồn cung cấp: Nguồn nước cấp phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và khám chữa bệnh của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika được lấy từ hệ thống cấp nước của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV – Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân. Nước cấp được phân phối theo các tuyến ống nội bộ đến phòng chức năng, phòng nghỉ của CBCNV, khu vệ sinh,...

Cơ sở không sử dụng nước ngầm.

– Nhu cầu sử dụng nước: Căn cứ vào quy mô đầu tư và mục đích sử dụng, nhu cầu sử dụng nước và nhu cầu xả thải của cơ sở được liệt kê ở bảng sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	-	-	6,9	Phát sinh nước thải
1.1	Nước cấp sinh hoạt cho người bệnh điều trị trong ngày	20 người	250 lít/giường bệnh QCVN 01:2021/BXD	5	Phát sinh nước thải
1.2	Nước cấp sinh hoạt cho người nhà bệnh nhân	20 người	30 lít/người/ngày (theo TCVN 4513:1988-Cấp nước bên trong)	0,6	Phát sinh nước thải
1.3	Nước cấp sinh hoạt từ nhân viên y tế	40 người	25 lít/người/ngày (theo TCVN 4513:1988-Cấp nước bên trong)	1	Phát sinh nước thải
1.4	Nước cấp sinh hoạt từ người điều trị ngoại trú	10 người	30 lít/người/ngày (theo TCVN 4513:1988-Cấp nước bên trong)	0,3	Phát sinh nước thải
2	Nước cấp cho hoạt động y tế	-	-	1,2	Phát sinh nước thải
2.1	Nước cấp cho hoạt động xét nghiệm	-	-	0,2	Phát sinh nước thải
2.2	Nước cấp vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế	-	-	1	Phát sinh nước thải
3	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh sàn	1.031,3 m ²	0,5 lít/m ² QCVN 01:2021/BXD	0,5	Phát sinh nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
Tổng (1+2+3)				8,6	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Ghi chú
1	Nước cấp sinh hoạt	-	-	6	Phát sinh nước thải
1.1	Nước cấp sinh hoạt từ nhân viên y tế	60 người	25 lít/người/ngày (theo TCVN 4513:1988-Cấp nước bên trong)	1,5	Phát sinh nước thải
1.2	Nước cấp sinh hoạt cho bệnh nhân đến khám	300 người	15 lít/người/ngày (theo TCVN 4513:1988-Cấp nước bên trong)	4,5	Phát sinh nước thải
2	Nước cấp cho hoạt động y tế	-	-	4,5	Phát sinh nước thải
2.1	Nước cấp cho hoạt động xét nghiệm, tráng phim	-	-	2	Phát sinh nước thải
2.2	Nước cấp vệ sinh thiết bị, dụng cụ	-	-	2,5	Phát sinh nước thải
3	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh sàn	554,1 m ²	0,5 lít/m ² QCVN 01:2021/BXD	0,3	
Tổng (1+2+3)				10,8	

Dựa trên nhu cầu sử dụng nước tối đa của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa thì tổng lượng nước sử dụng của cả 2 cơ sở khoảng 19,4 m³/ngày.đêm:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika m ³ /ngày.đêm (I)	Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa m ³ /ngày.đêm (II)	Tổng cộng m ³ /ngày.đêm (I) + (II)
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt	6,9	6	12,9
2	Nước cấp cho hoạt động y tế	1	4,5	5,5
3	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh sàn	0,5	0,3	0,8

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

	Tổng cộng (1 + 2 + 3)	8,6	10,8	19,4
--	------------------------------	------------	-------------	-------------

Ngoài ra, lượng nước tiêu thụ trung bình của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh theo hóa đơn tiền nước do Công ty Cổ phần Cấp nước Hòa Tân cung cấp thì trung bình 01 tháng từ kỳ 5/2024 đến kỳ 10/2024 là 448,8 m³/tháng, tương đương 14,96 m³/ngày.

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024 của cơ sở

STT	Kỳ	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)					Tổng cộng (m ³ /tháng)
		Căn nhà 262	Căn nhà 264	Căn nhà 266	Căn nhà 266A	Căn nhà 268	
1	Kỳ 5/2024 (13/4/2025 – 14/5/2024)	94	72	73	102	3	344
2	Kỳ 6/2024 (14/5/2024 – 13/6/2024)	99	76	77	114	5	371
3	Kỳ 7/2024(13/6/2024 – 15/7/2024)	126	100	100	143	5	474
4	Kỳ 8/2024(15/7/2024 – 14/8/2024)	124	96	97	139	6	462
5	Kỳ 9/2024 (14/8/2024 – 13/9/2024)	121	92	91	150	7	461
6	Kỳ 10/2024 (13/9/2024 – 15/10/2024)	151	118	117	190	5	581
	Trung bình tháng (m³/tháng)						448,8
	Trung bình ngày (m³/ngày)						14,96

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2024)

Ngoài ra, lượng nước tiêu thụ trung bình của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh theo hóa đơn tiền nước do Công ty Cổ phần Cấp nước Hòa Tân cung cấp thì trung bình 01 tháng từ kỳ 1/2025 đến kỳ 5/2025 là 508,4 m³/tháng, tương đương 16,95 m³/ngày.

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025 của cơ sở

STT	Kỳ	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)					Tổng cộng (m ³ /tháng)
		Căn nhà 262	Căn nhà 264	Căn nhà 266	Căn nhà 266A	Căn nhà 268	
1	Kỳ 1/2025 (từ 16/12/2024 – 15/01/2024)	122	96	96	154	2	470
2	Kỳ 2/2025 (từ 15/01/2025 – 14/02/2025)	99	79	79	129	4	390
3	Kỳ 3/2025 (từ 14/2/2025 – 15/03/2025)	131	105	106	87	4	433
4	Kỳ 4/2025 (từ 15/03/2025 – 16/4/2025)	163	134	133	292	4	726

5	Kỳ 5/2025 (16/4/2025 – 15/5/2025)	145	119	119	137	3	523
	Trung bình tháng (m³/tháng)						508,4
	Trung bình ngày (m³/ngày)						16,95

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Căn cứ vào nhật ký theo dõi lưu lượng nước thải từ kỳ 5/2024 đến kỳ 10/2024 thì lượng nước thải phát sinh khoảng 419 m³/tháng tương đương 14 m³/ngày.đêm.

Bảng 1. 9. Nhu cầu xả nước thải từ tháng 5/2024 đến tháng 10/2024 tại Cơ sở

STT	Kỳ	Nhu cầu xả nước thải (m ³ /tháng)
1	Kỳ 5/2024 (13/4/2025 – 14/5/2024)	322
2	Kỳ 6/2024 (14/5/2024 – 13/6/2024)	343
3	Kỳ 7/2024(13/6/2024 – 15/7/2024)	439
4	Kỳ 8/2024(15/7/2024 – 14/8/2024)	428
5	Kỳ 9/2024 (14/8/2024 – 13/9/2024)	426
6	Kỳ 10/2024 (13/9/2024 – 15/10/2024)	526
	Trung bình tháng (m³/tháng)	419
	Trung bình ngày (m³/ngày)	14

(Nguồn: Nhật ký theo dõi lưu lượng nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2024)

Căn cứ vào nhật ký theo dõi lưu lượng nước thải từ kỳ 1/2025 đến kỳ 5/2025 thì lượng nước thải phát sinh khoảng 456,8 m³/tháng tương đương 15,22 m³/ngày.đêm.

Bảng 1. 10. Nhu cầu xả nước thải từ kỳ 1/2025 đến kỳ 5/2025 tại Cơ sở

STT	Kỳ	Nhu cầu xả nước thải (m ³ /tháng)
1	Kỳ 1/2025 (từ 16/12/2024 – 15/01/2024)	430
2	Kỳ 2/2025 (từ 15/01/2025 – 14/02/2025)	368
3	Kỳ 3/2025 (từ 14/2/2025 – 15/03/2025)	410
4	Kỳ 4/2025 (từ 15/03/2025 – 16/4/2025)	562
5	Kỳ 5/2025 (16/4/2025 – 15/5/2025)	514
	Trung bình tháng (m³/tháng)	456,8
	Trung bình ngày (m³/ngày)	15,22

(Nguồn: Nhật ký theo dõi lưu lượng nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

– Nhu cầu dùng nước cho chữa cháy:

Dựa theo TCVN 2622:1995 (phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình), TCVN 3890:2009 và TCVN 7336:2003, hệ thống chữa cháy bao gồm:

- + Hệ thống trụ nước chữa cháy bên ngoài nhà.
- + Hệ thống tủ vòi chữa cháy trong nhà.
- + Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler.
- + Số đám cháy xảy ra đồng thời giả thiết là 1 đám.
- + Lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 10 l/s.

+ Tổng lượng nước cần chữa cháy liên tục trong 3h:

$$Q_{cc} = 1 \text{ đám cháy} \times 10 \text{ l/s} \times (3 \times 3.600)/1.000 = 108 \text{ m}^3/\text{đám cháy}.$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh là chủ của 2 cơ sở là Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa hoạt động tại địa chỉ 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), trong đó:

Cơ sở “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika” được thực hiện tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) với tổng diện tích sử dụng là 1.510,14 m². Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã thuê lại các căn nhà tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2: Hợp đồng thuê nhà giữa Ông Đặng Trường và Bà Võ Thị Lua (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 262 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2035) (Nay là 262 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng thuê nhà giữa ông Phạm Duy Tân và bà Nguyễn Thị Anh (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 264 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2030) (Nay là 264 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng thuê nhà giữa ông Võ Văn Lai và bà Lâm Thị Phát (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 266 (số cũ 18B/9) đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 04/10/2022 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 27/10/2022 đến hết ngày 26/10/2032) (Nay là 266 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

Cơ sở “Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa” được thực hiện tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) với tổng diện tích sử dụng là 1.363,2 m². Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã thuê lại các căn nhà tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2: Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Quang và bà Ngô Thị Thu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại 266A đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 29/7/2016 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/6/2016 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 266A đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng ủy quyền giữa Bà Nguyễn Thị Minh Hiền và Bà Ngô Thị Thu ngày 06/09/2023 về chủ sở hữu căn nhà 266A, Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Ngũ và bà Thái An Diệu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại 268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày

29/7/2016 (thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

Bảng 1. 11. Quy hoạch sử dụng đất cho các hạng mục thuộc cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích sàn sử dụng của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh		Ghi chú
		Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika	Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa	
1	Căn nhà số 262	534,2	-	Diện tích xây dựng: 103,8 m ² Diện tích sàn: 534,2 m ² + Số lượng: 5 tầng.
2	Căn nhà số 264	166,1	-	Diện tích xây dựng: 69 m ² Diện tích sàn: 166,1 m ² + Số lượng: 3 tầng
3	Căn nhà số 266	331	-	Diện tích xây dựng: 74 m ² Diện tích sàn: 331 m ² + Số lượng: 3 tầng + lửng + sân thượng
4	Căn nhà số 266A	-	313,7	Diện tích xây dựng: 107,5 m ² Diện tích sàn: 313,7 m ² + Số lượng: 3 tầng + lửng
5	Căn nhà số 268	-	240,4	Diện tích xây dựng: 92 m ² Diện tích sàn: 240,4 m ² + Số lượng: 3 tầng
Tổng		1.031,3	554,1	

Tổng diện tích sàn sử dụng của 2 cơ sở là 1.585,4 m². Tỷ lệ các loại đất quy hoạch để sử dụng trong phạm vi cơ sở được liệt kê trong Bảng sau:

5.1.1. Các hạng mục công trình chính:

Cơ sở được xây dựng trên khu đất sàn có diện tích 1.585,4 m², bao gồm:

Bảng 1. 12. Chức năng của công trình của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

TT	Hạng mục
1	Tầng trệt (đã trừ khoản lùi) - Kho - Nhà xe - Nhà vệ sinh - Thang máy và thang bộ
2	Tầng lầu 1 - Phòng cấp cứu - Phòng xét nghiệm - Phòng X Quang

	- Phòng siêu âm - Phòng đo điện tâm đồ - Kho hồ sơ - Phòng tài chính kế toán - Phòng họp giao ban - Nhà thuốc
3	Tầng lầu 2: Khu vực lưu theo dõi bệnh nhân trong ngày - Phòng 1 giường: 4 phòng (4 giường) - Phòng 2 giường: 4 phòng (8 giường) - Quầy y tá trực - Phòng Tổng giám đốc - Phòng kế hoạch tổng hợp - Phòng hành chính nhân sự - Phòng thuốc
4	Tầng lầu 3: - Sảnh tiếp đón bệnh nhân - Phòng khám và tư vấn - Khu vực nhân viên
5	Tầng lầu 4: - Phòng mổ: 2 phòng (2 giường) - Phòng tiểu phẫu: 1 phòng (1 giường) - Phòng hồi tỉnh: 3 giường - Phòng tiền mê: 2 giường - Phòng thay quần áo nhỏ - Khu vực rửa tay trước khi mổ - Phòng thiết bị - Khu vực thanh trùng và xử lý đồ dơ
6	Tầng mái

Bảng 1. 13. Chức năng của công trình của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

STT	Hạng mục công trình
1	Tầng Trệt: - Phòng cấp cứu - Phòng X Quang - Phòng in film - Khu vực lễ tân - Quầy thuốc - Khu vực chứa rác - Khu vực khác
2	Tầng Lửng: - Phòng Giám Đốc - Phó Giám Đốc
3	Tầng 1: - Phòng xử lý mẫu - Phòng khám

	- Phòng tư vấn - Phòng chờ - Phòng khám nội - Phòng sản - Phòng lấy mẫu máu - Phòng xét nghiệm - Phòng khác: nhà vệ sinh, hành lang,...
4	Tầng 2 - Phòng tiêm ngừa - Phòng nhi - Phòng mắt - Phòng siêu âm - Phòng điện tim - Phòng khám tai mũi họng - Phòng khác: nhà vệ sinh, hành lang
5	Tầng 3: - Phòng khách - Phòng nha - Phòng mổ/tiểu phẫu - Phòng hồi sức sau mổ - Phòng thanh trùng - Phòng thay đồ - Phòng nghỉ nhân viên - Sảnh đệm - Khác: nhà vệ sinh, hành lang,...
6	Tầng 4: - Phòng hành chính, nhân sự, kế toán, CSKH - Phòng giặt - Kho vật dụng - Phòng kỹ thuật thang máy

Phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika:

Bệnh viện hoạt động với phạm vi chuyên môn sau:

1. Khám và tư vấn về thẩm mỹ.
2. Cấp cứu: Sơ cấp cứu ban đầu tất cả các bệnh, sau đó chuyển đến các bệnh viện tuyến trên.
3. Các phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ:
 - + Phẫu thuật thẩm mỹ mắt.
 - + Tạo hình thẩm mỹ mũi.
 - + Phẫu thuật thẩm mỹ cằm.

- + Phẫu thuật thẩm mỹ má: má lún đồng tiền, nâng gò má cao, hạ cung gò má.
- + Phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt: căng da mặt, thu nhỏ góc cằm, căng da trán,...
- + Phẫu thuật thẩm mỹ nâng ngực nội soi, thu nhỏ ngực xệ, thu nhỏ đầu ngực.
- + Hút mỡ laser: bụng, lưng, tay, đùi.
- + Phẫu thuật thẩm mỹ nâng mông.
- + Phẫu thuật thẩm mỹ tạo hình thành bụng.
- + Tạo hình thẩm mỹ răng hàm mặt: sức môi, hở hàm ếch.
- + Các phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ khác: vá trái tai, tạo hình tai, thẩm mỹ sẹo.

4. Điều trị ngoại trú về thẩm mỹ.

5. Các dịch vụ thẩm mỹ khác như phun thêu chân mày, xóa xăm; phun thêu mắt; môi; làm hồng nhũ hoa; xăm hình nghệ thuật; laser – chăm sóc da; triệt lông vĩnh viễn, trị thâm nám; xóa nốt rùi, tàn nhang; trị mụn; chăm sóc da căn bản; dịch vụ Spa; massage thư giãn

6. Tiêm botox, disport, restylane làm trẻ hóa khuôn mặt.

7. Chà da mặt, điều trị sẹo lõm, xóa nốt rùi, tàn nhang, vết xăm bằng laser.

8. Cận lâm sàng:

- + Xét nghiệm: huyết học, sinh hóa, vi sinh.
- + Chuẩn đoán hình ảnh: X-quang thường quy, siêu âm tổng quát, ECG – điện tâm đồ.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán y tế số 126/2025/GP-SKHCN-CP ngày 25/4/2025, thời hạn đến hết ngày 24/4/2028 cho phép sử dụng 1 thiết bị X-quang chuẩn đoán có các đặc trưng quy định tại trang 3 của Giấy phép này để chụp chẩn đoán bệnh.

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở:

❖ **Hệ thống cấp điện:**

Nguồn cấp điện: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh sử dụng điện lưới quốc gia được cung cấp bởi Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH. Điện sử dụng cho mục đích chiếu sáng, hoạt động máy móc thiết bị y tế.

• **Hệ thống giao thông nội bộ:**

Đường giao thông nội bộ trong khu vực đã được thành phố trải bê tông để đảm bảo an toàn, hạn chế bụi trong quá trình vận chuyển.

• **Hệ thống thoát nước mưa:**

– Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng căn cứ theo quy hoạch thoát nước chung, nước mưa sau khi thu gom được thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố trên đường 3/2. Nước mưa tại Cơ sở được thu gom như sau:

+ Thoát nước mưa trên mái: lắp đặt các ống xối nhựa PVC có đường kính $\varnothing 90$ nối từ máng xối xuống các hố ga trên mặt đất.

Điểm đầu nối nước mưa của cơ sở với công thoát nước thành phố:

+ Số lượng hố ga nước mưa: 01 hố ga, (kích thước hố ga: $D \times R \times C = 1m \times 1m \times 1m$).

+ Tọa độ hố ga nước mưa: 01 điểm (đường 3/2), tọa độ $(X(m) = 1191253 \ Y(m) = 600689)$.

• **Hệ thống thu gom, thoát nước thải:**

Chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika, được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính $\varnothing 90-114$ có tổng chiều dài đường ống là 300m, sau đó, theo các ống thoát nước thải có đường ống PVC $\varnothing 168$ dọc theo căn nhà chảy về hệ thống xử lý nước thải, công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa. Hệ thống xử lý nước thải được đặt bên Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa có địa chỉ 266A đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính $\varnothing 90-114$ có tổng chiều dài đường ống là 300m, sau đó, theo các ống thoát nước thải có đường ống PVC $\varnothing 168$ dọc theo căn nhà chảy về hệ thống xử lý nước thải, công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

Căn cứ theo văn bản xác nhận đầu nối cống thoát nước của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh tại địa chỉ 262-264-266-266A-268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM số 361/TTCN-QLTN ngày 31/3/2015 do Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập – UBND TP.HCM cấp thì điểm đầu nối nước thải của cơ sở với công thoát nước thành phố trên đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM:

+ Số lượng hố ga nước thải: 01 hố ga, (kích thước: $D \times R \times C = 1m \times 1m \times 1m$).

+Điểm đầu nối: 01 điểm hầm ga trước số nhà 262-264-266-266A-268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262-264-266-266A-268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), tọa độ $(X(m) = 1191226, Y(m) = 600744)$.

+ Nguồn tiếp nhận: Kênh Tàu Hủ.

Nước thải y tế phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, xét nghiệm của cả 2 cơ sở được dẫn về HTXLNT tập trung có công suất 20 m³/ngày.đêm đặt bên Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa có địa chỉ 266A đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, (K=1,2; riêng đối với các

thông số pH, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae K=1) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Thành phố.

(Vị trí hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện đính kèm phụ lục bản vẽ)

- **Công trình xử lý khí thải máy phát điện:**

Máy phát điện tại dự án chỉ sử dụng trong trường hợp dự phòng sự cố mất điện. Bệnh viện đã bố trí khu vực đặt máy phát có diện tích 40m² với 01 máy phát có công suất 125 kVA. Phòng đặt máy phát điện sẽ được bố trí tại khu vực tách biệt với Bệnh viện, có bố trí cách âm, chống ồn và lắp đặt ống thoát khí thải cấp theo tường tòa nhà dẫn lên trên mái, chiều cao ống khói thoát khí thải là 20m so với mặt đất, vật liệu sắt, phi Ø200x200.

Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika sử dụng chung máy phát điện với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa.

- **Công trình lưu giữ, xử lý chất thải:**

- ❖ Đối với Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

- + Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt của Bệnh viện phát sinh chủ yếu là chai, vỏ lon, túi nilon, thức ăn thừa... CTR sinh hoạt của Bệnh viện được thu gom và lưu trữ trong các thùng rác có dung tích 15 lít – 25 lít đặt dọc các hành lang khu khám và thùng rác dung tích 240 lít để thu gom đưa về nhà rác sinh hoạt nằm ở căn nhà số 266A có diện tích 5m², chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý mỗi ngày theo Hợp đồng số 398/HĐVS-ĐT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 ký ngày 31/12/2024.

- + Chất thải tái chế: Thu gom về kho chứa chất thải tái chế tại căn nhà 268 có diện tích là 4m². Sau đó chuyển giao cho Hộ kinh doanh Tam Hồng Phát số 05./HĐKTTMP-THP ngày 01/6/2025 xử lý mỗi ngày.

- + CTR y tế có chứa tác nhân lây nhiễm: Thu gom và lưu trữ trong các thùng rác có dung tích 15 lít – 25 lít đặt dọc hành lang các khu khám và trong các phòng bệnh và thùng rác dung tích 240 lít (thùng rác màu vàng) dùng để thu gom và đưa về kho chứa tại căn nhà 268 có diện tích 2m², sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo Hợp đồng số 95/HĐ.MTĐT-YT/25.4.VX giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2024 với tần suất 3 lần/tuần để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- + Chất thải nguy hại: CTNH của dự án phát sinh chủ yếu bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính các thành phần nguy hại, dầu thải từ bảo trì máy phát điện,... Chủ đầu tư đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tại kho chứa căn nhà 266A có diện tích 3m² để lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định theo Hợp đồng kinh tế số 1070 HĐ.TP.HCM/VAE-2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc ngày 10/12/2024 với tần suất 1 lần/năm để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- ❖ Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

+ **Chất thải rắn sinh hoạt:** Chất thải rắn sinh hoạt của Bệnh viện phát sinh chủ yếu là chai, vỏ lon, túi nilon, thức ăn thừa... CTR sinh hoạt của Bệnh viện được thu gom và lưu trữ trong các thùng rác có dung tích 15 lít – 25 lít đặt dọc các hành lang khu khám và thùng rác dung tích 240 lít để thu gom đưa về nhà rác sinh hoạt nằm ở căn nhà số 266A có diện tích 5 m², chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý mỗi ngày theo Hợp đồng số 398/HĐVS-ĐT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 ký ngày 31/12/2024.

+ **Chất thải tái chế:** Thu gom về kho chứa chất thải tái chế tại căn nhà 268 có diện tích là 4m². Sau đó chuyển giao cho Hộ kinh doanh Tam Hồng Phát số 05./HĐKTTMP-THP ngày 01/6/2025 xử lý mỗi ngày.

+ **CTR y tế có chứa tác nhân lây nhiễm:** Thu gom và lưu trữ trong các thùng rác có dung tích 15 lít – 25 lít đặt dọc hành lang các khu khám và trong các phòng bệnh và thùng rác dung tích 240 lít (thùng rác màu vàng) dùng để thu gom và đưa về kho chứa tại căn nhà 268 có diện tích 4m², sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo Hợp đồng số 95/HĐ.MTĐT-YT/25.4.VX giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2024 với tần suất 1 lần/ngày để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ **Chất thải nguy hại:** CTNH của dự án phát sinh chủ yếu bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính các thành phần nguy hại, dầu thải từ bảo trì máy phát điện,... Chủ đầu tư đã bố trí khu vực lưu giữ CTNH tại kho chứa căn nhà 266A có diện tích 3m² để lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định theo Hợp đồng kinh tế số 1070 HĐ.TP.HCM/VAE-2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc ngày 10/12/2024 với tần suất 1 lần/năm để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

• **Hệ thống phòng cháy chữa cháy:**

Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế hoàn toàn tự động áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn TCVN 5760:1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.
- Tiêu chuẩn TCVN 4513:1993 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5739:2023 Thiết bị chữa cháy – Đầu nổi.
- Tiêu chuẩn TCVN 2622:1978 và TCVN 2622:1995 Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình, QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1498/TD-PCCC (P2) ngày 20/11/2012 do Sở CS PC & CC TP.HCM cấp, Công văn nghiệm thu về PCCC số 259 ngày 30/7/2007 do Sở Cảnh sát PCCC TP.HCM cấp.

Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 233/TD-PCCC (P2) ngày 20/11/2012 do Sở CS PC & CC TP.HCM cấp, Công văn nghiệm thu số 67 ngày 10/01/2014 do Sở Cảnh sát PCCC TP.HCM cấp.

- **Hệ thống chống sét:**

Hệ thống chống sét là loại kim thu sét tia tiên đạo, bán kính hoạt động tối thiểu là 55m, với cáp dẫn sét loại đồng trần đường kính 50 mm², được luồn trong ống PVC và dẫn đến hộp đếm sét và hệ tiếp đất.

5.1.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Bảng 1. 14. Bảng tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Các hạng mục công trình	Đặc điểm
1	Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt	Diện tích: 5m ² Vị trí: Được bố trí phía cuối căn nhà 266A
2	Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp	Diện tích: 4m ² Vị trí: Được bố trí gần lối hành lang căn nhà 268, có biển báo.
3	Khu vực chứa chất thải nguy hại	Diện tích: 3m ² Vị trí: Được bố trí phía cuối căn nhà 266A, có biển báo.
4	Khu vực chứa chất thải y tế có chứa tác nhân lây nhiễm	Diện tích: 2m ² Vị trí: Được bố trí phía gần lối hành lang căn nhà 268, có biển báo
5	Bể tự hoại	<u>Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika:</u> + Số lượng: 03 bể + Kích thước: D x R x C = 2,5m x 1,4m x 2m + Tổng thể tích 3 bể tự hoại 21 m ³ . + Vị trí: Đặt phía dưới nhà vệ sinh, sảnh chờ, lễ tân của căn nhà 262 – 264 – 266. <u>Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:</u> + Số lượng: 02 bể + Kích thước: D x R x C = 2,5m x 1,4m x 2m + Tổng thể tích 2 bể tự hoại 14 m ³ . + Vị trí: Đặt phía dưới nhà vệ sinh của căn nhà 266A – 268.
6	Hệ thống xử lý nước thải (*)	Diện tích: 8 m ² Số lượng: 01 hệ thống. Công suất: 20 m ³ /ngày.đêm Vị trí: Được bố trí cuối căn nhà 266A.

Ghi chú:

(*) Đơn vị thiết kế, thi công, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải: Công ty TNHH TV – ĐT BTT.

Địa chỉ: 182/53 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành số 01 ngày 24/11/2014.

Đơn vị giám sát thi công: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh.

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở:

Máy móc thiết bị được sử dụng để phục vụ hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1. 15. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất
I	Thiết bị chuyên dụng			
1	Chì phòng X quang	HT	1	2014
2	Máy phát điện dự phòng 125 KVA và bộ ATS (sử dụng chung với Phòng khám Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa)	Bộ	1	2009
3	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm	HT	1	2013
4	Hệ thống curtain track system - curtain track system - Curtain fabric - I.V track system	HT	1	2014
5	Hệ thống nước tiết trùng	Bộ	1	2014
6	Hệ thống chuông gọi y tá	HT	1	2014
7	Hệ thống phát thanh công cộng	HT	1	2014
8	Hệ thống tổng đài điện thoại	HT	1	2014
9	Hệ thống mạng vi tính và máy tính	HT	1	2014
10	Phần mềm quản lý bệnh viện	HT	1	2014
11	Hệ thống camera giám sát	HT	1	2014
12	Hệ thống báo cháy tự động	HT	1	2014
13	Hệ thống chống sét (1 kim thu sét)	HT	1	2014
14	Hệ thống thang máy	Bộ	1	2013
15	Bồn nước mái Inox	Bồn	1	2013
16	Máy bơm nước	Cái	2	2014
17	Hệ thống kí y tế	HT	1	2014
18	Xe cứu thương	Cái	1	2014
II	Thiết bị y tế			
1	Bàn khám bệnh	Cái	4	2014
2	Đèn đọc phim X quang	Cái	10	2014
3	Ổng nghe	Cái	10	2014
4	Máy đo HA	Cái	10	2014
5	Bàn mổ đa năng điện – thủy lực	Cái	2	2014
6	Đèn mổ treo trần	Cái	2	2014
7	Máy đốt điện	Cái	2	2014
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ	Cái	10	2014
9	Giường 3 tay quay	Cái	17	2014
10	Máy gây mê có giúp thở	Cái	2	2014
11	Máy giúp thở đa năng	Cái	2	2014
12	Head Monitoring	Cái	3	2014
13	Máy hút liên tục	Cái	3	2014

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

14	Máy phá rung để bàn	Cái	2	2014
15	Máy ghi ECG 6 cần	Cái	1	2014
16	Giường hồi sức – cấp cứu	Cái	7	2014
17	Bơm tiêm điện	Cái	2	2014
18	Tủ đầu giường	Cái	17	2014
19	Tủ hồ sơ	Cái	6	2014
20	Xe bệnh án	Cái	2	2014
21	Bàn ăn cơm tại giường	Cái	17	2014
22	Máy X quang kỹ thuật số	Cái	1	2014
23	Máy in phim khô	Cái	1	2014
24	Đèn đọc phim X quang (6 phim)	Cái	1	2014
25	Máy siêu âm màu	Cái	1	2014
26	Máy huyết học tự động	Cái	1	2014
27	Máy sinh hóa tự động	Cái	1	2014
28	Máy quang phổ kế làm sinh hóa	Cái	1	2014
29	Kính hiển vi	Cái	2	2014
30	Máy đo đông máu tự động	Cái	1	2014
31	Tủ hấp tiệt trùng dry air sterilizers	Cái	1	2014
32	Nồi chưng cách thủy	Cái	1	2014
33	Tủ thuốc độc A-B	Cái	4	2014
34	Lò hấp	Cái	2	2014

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2014)

Bảng 1. 16. Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	Năm sản xuất
01	Máy đo ECG	1	Cái	2008
02	Máy huyết học tự động	1	Cái	2008
03	Máy miễn dịch tự động	1	Cái	2008
04	Máy li tâm	2	Cái	2008
05	Kính hiển vi	2	Cái	2008
06	Máy xét nghiệm nước tiểu	2	Cái	2008
07	Tủ sấy khô	2	Cái	2008
08	Máy siêu âm	2	Cái	2008
09	Máy gây mê + thở	2	Cái	2008
10	Bàn mổ đa năng	2	Cái	2008
11	Đèn mổ 4 bóng di động	2	Cái	2008
12	Đèn mổ 8 bóng di động	4	Cái	2008
13	Máy cắt, đốt dung trong phẫu thuật	2	Cái	2008
14	Máy theo dõi bệnh nhân	2	Cái	2008

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

15	Bàn tiểu phẫu	2	Cái	2008
16	Dụng cụ phẫu thuật	2	Cái	2008
17	Máy laser CO ₂	2	Cái	2008
18	Hệ thống hấp tiệt trùng dụng cụ	1	Hệ thống	2008
19	Máy X quang	1	Cái	2008
20	Máy nội soi	1	Cái	2008

(Nguồn: Đề án bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2009)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán y tế số 126/2025/GP-SKH-CN-CP ngày 25/4/2025, thời hạn đến hết ngày 24/4/2028 cho phép sử dụng 1 thiết bị X-quang chẩn đoán có các đặc trưng quy định tại trang 3 của Giấy phép này để chụp chẩn đoán bệnh.

5.3. Nhu cầu lao động

Tổng số lao động tại cơ sở là 100 người.

Bảng 1. 17. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở

STT	Nhân viên	Số lượng (người)	
		Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika	Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa
1	Bác sĩ	6	15
2	Dược sĩ	1	4
3	Dược tá	1	1
4	Điều dưỡng	17	20
5	Kỹ thuật viên	5	10
6	Nhân viên các phòng ban khác	10	10
Tổng cộng		40	60

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

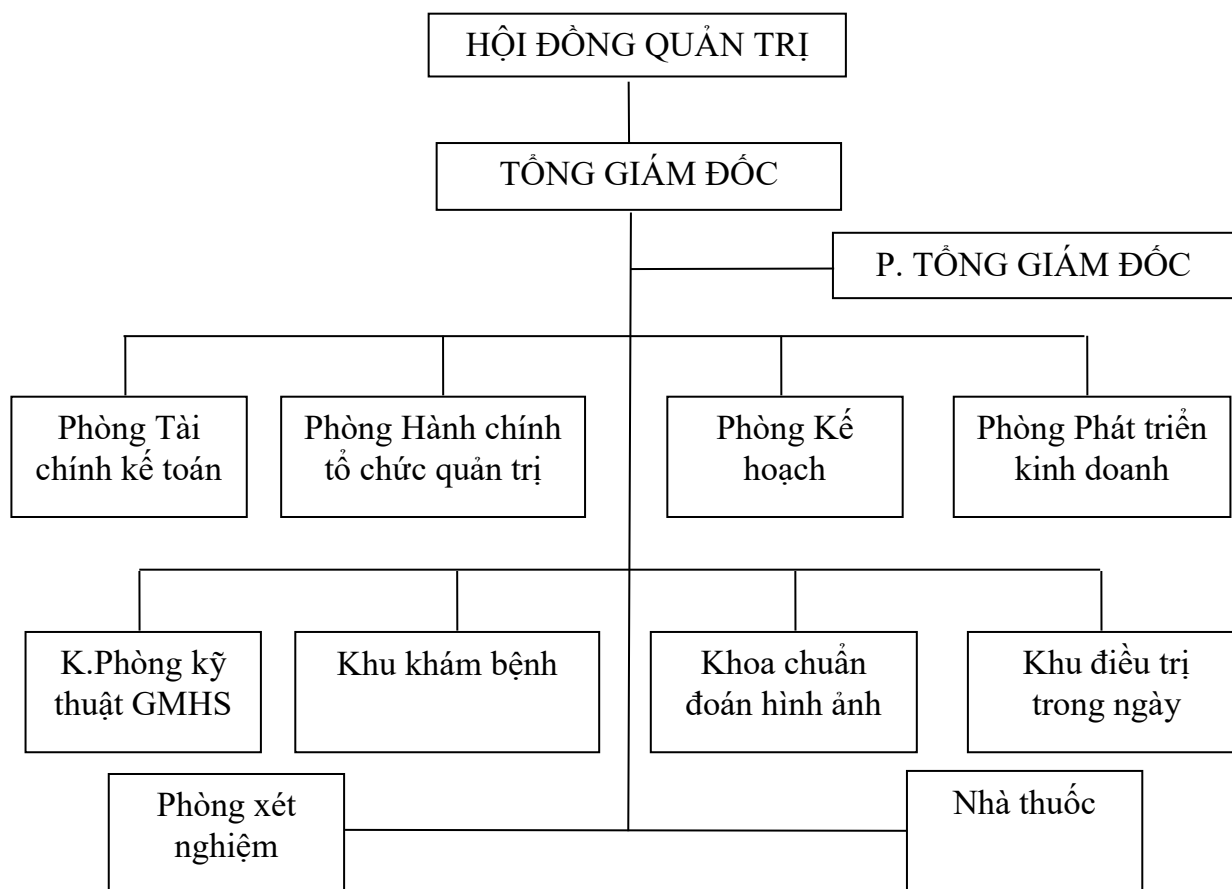
❖ Đối với Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika:

Thời gian hoạt động: 24/24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

❖ Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

Thời gian hoạt động: Từ 6h30 – 19h, riêng ngày Chủ Nhật từ: 7h – 11h30, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

5.4. Sơ đồ tổ chức hoạt động của bệnh viện



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

➤ *Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia*

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải, thiết kế khu vực đặt máy phát riêng biệt, lắp đặt ống khói cho máy phát điện, đầu tư trang thiết bị thu gom rác thải phát sinh từ các hoạt động, lắp đặt hệ thống PCCC phòng ngừa cháy nổ... nhằm ngăn ngừa các tác động xấu ô nhiễm, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa và kiểm soát theo đúng quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu bảo vệ môi trường của Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trong thời gian tới, Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika vẫn giữ quy mô khám chữa bệnh là 20 giường; Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa vẫn giữ quy mô bệnh nhân khám 300 người/ngày phù hợp với cơ sở hạ tầng và các công trình bảo vệ môi trường đã được Chủ đầu tư hoàn thiện và hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu hoạt động tại cơ sở.

➤ *Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường*

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh tọa lạc tại số 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) đã đầu tư trang thiết bị hiện đại, dịch vụ chăm sóc tận tình sẽ góp phần nâng cao năng lực y tế của khu vực, giúp người dân khu vực tiếp cận được với chăm sóc sức đẹp toàn diện, nâng cao chất lượng đời sống của người dân...; cho 2 cơ sở Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) và Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), đây là khu vực có mật độ dân cư đông đúc, vùng trong những vùng trọng điểm của quận 10 cũ; việc xây dựng và vận hành bệnh viện là phù hợp với mục tiêu phát triển với Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Cơ sở “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa” được thực hiện tại 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 – 266A – 268 đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) trong đó, Cơ sở “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika” được thực hiện tại địa chỉ 262 – 264 – 266

đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) được chủ cơ sở là Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã thuê lại các căn nhà tại địa chỉ 262 – 264 – 266 đường 3 tháng 2: Hợp đồng thuê nhà giữa Ông Đặng Trường và Bà Võ Thị Lua (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 262 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2035) (Nay là 262 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng thuê nhà giữa ông Phạm Duy Tân và bà Nguyễn Thị Anh (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 264 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/06/2025 đến hết ngày 31/05/2030) (Nay là 264 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng thuê nhà giữa ông Võ Văn Lai và bà Lâm Thị Phát (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại địa chỉ 266 (số cũ 18B/9) đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 04/10/2022 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 27/10/2022 đến hết ngày 26/10/2032) (Nay là 266 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) để hoạt động của cơ sở.

Còn Cơ sở “Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa” được thực hiện tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) được chủ cơ sở là Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã thuê lại các căn nhà tại địa chỉ 266A – 268 đường 3/2: Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Quang và bà Ngô Thị Thu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại 266A đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 29/7/2016 (thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/6/2016 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 266A đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM), Hợp đồng ủy quyền giữa Bà Nguyễn Thị Minh Hiền và Bà Ngô Thị Thu ngày 06/09/2023 về chủ sở hữu căn nhà 266A, Hợp đồng thuê nhà giữa ông Nguyễn Văn Ngũ và bà Thái An Diệu (chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà) với Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh thuê lại toàn bộ căn nhà tại 268 đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM ký ngày 29/7/2016 (thời hạn 05 năm kể từ ngày 01/6/2021 đến hết ngày 31/05/2026) (Nay là 268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).

Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 13/01/2015, Quyết định số 123/KCB-HN ngày 02/2/2015 do Cục Quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại địa chỉ 262 – 264 – 266, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp.

Còn Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa đã được cấp Giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp và Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp tại địa chỉ 266A – 268, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A – 268, đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM). Nước thải sau xử lý thoát ra cống thoát nước thành phố trên đường 3/2 sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là Kênh Tàu Hủ, theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về việc phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các công, kênh, rạch nội tỉnh trên địa bàn TP.HCM do UBND TP.HCM phê duyệt thì Cơ sở thuộc đối tượng xả nước thải ra các kênh, rạch vùng trung tâm thành phố (số 47, mục V, mục tiêu chất lượng nước: C của phụ lục Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 23/4/2025). Do đó, chất lượng nước thải của Cơ sở vẫn áp dụng theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

❖ Đối với bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika:

- Hướng Đông Bắc : Giáp đường 3/2.
- Hướng Đông Nam : Giáp nhà số 260 đường 3/2.
- Hướng Tây Nam : Giáp khu dân cư đường hẻm số 16 Trần Thiện Chánh.
- Hướng Tây Bắc : Giáp Phòng khám Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa.

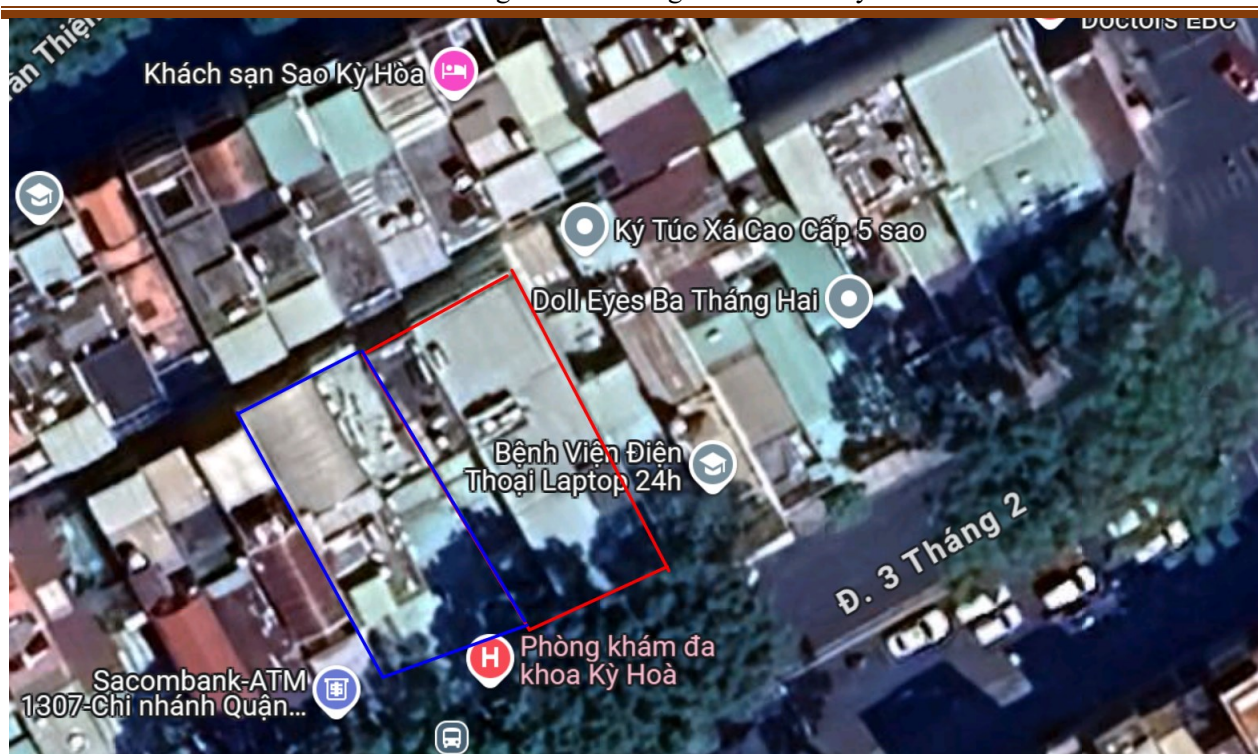
❖ Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

- Hướng Đông : Giáp nhà dân.
- Hướng Tây : Giáp nhà dân.
- Hướng Nam : Giáp đường 3/2.
- Hướng Bắc : Giáp hẻm 294.

Tọa độ ranh giới khu vực cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2. 1. Tọa độ ranh giới khu vực của cơ sở

MỐC	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực TP.HCM: 105 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1191240	600670
2	1191261	600672
3	1191249	600682
4	1191240	600672



Hình 2. 1. Vị trí cơ sở trên Google Map

Hiện trạng khu đất Cơ sở: Khu đất hiện là nhà ở đã được xây dựng hoàn chỉnh (được trang bị đầy đủ đầu nối điện, hệ thống cấp thoát nước mưa, nước thải, PCCC tự động).

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

➤ Đối với nước thải

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh phát sinh nước thải sinh hoạt và y tế được xử lý dẫn qua hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước thải chung của Thành phố (Hệ thống xử lý nước thải y tế được đặt ở Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa có địa chỉ căn nhà 266A), nguồn tiếp nhận là kênh Tàu Hủ.

Cơ sở hoạt động tại địa chỉ 262 – 264 – 266 – 266A – 268, đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262 – 264 – 266 – 266A – 268, đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM). Nước thải sau xử lý thoát ra cống thoát nước thành phố trên đường 3/2 sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là Kênh Tàu Hủ, theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về việc phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các công, kênh, rạch nội tỉnh trên địa bàn TP.HCM do UBND TP.HCM phê duyệt thì Cơ sở thuộc đối tượng xả nước thải ra các kênh, rạch vùng trung tâm thành phố (số 47, mục V, mục tiêu chất lượng nước: C của phụ lục Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 23/4/2025). Do đó, chất lượng nước thải của Cơ sở vẫn áp dụng theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2.

Theo Thông tư 76/2017/TT-BTNMT quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, suối, kênh, rạch, đầm, hồ và Điều 82 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2017/TT-

BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ; có nêu đánh giá khả năng chịu tải áp dụng cho nguồn tiếp nhận là nguồn nước mặt; vì vậy đối với nguồn tiếp nhận là cống thoát nước thải chung của Thành phố, không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

➤ *Đối với khí thải*

Để chủ động trong quá trình hoạt động, Cơ sở có trang bị 01 máy phát điện với công suất 125 kVA dự phòng trường hợp sự cố mất điện xảy ra.

Công ty đã lắp đặt ống khói thải khí thải từ máy phát điện vật liệu sắt, phi Ø200x200 cao 20m so với mặt đất để dẫn khí thoát ra ngoài môi trường và chỉ sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm các chất gây ô nhiễm khí thải trong quá trình đốt nhiên liệu. Mặt khác, trên thực tế máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện đột xuất nên việc áp dụng thoát khí thải thông qua ống khói thải cao là phù hợp và không gây tác động xấu đến môi trường.

Bụi, khí thải phát sinh không liên tục từ máy phát điện dự phòng được xử lý trong hệ thống công nghệ, thiết bị đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_v = 0,6$ và $K_p = 1$) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận, nhằm không gây tăng mức độ ô nhiễm cho nguồn tiếp nhận.

➤ *Đối với chất thải rắn*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày cơ sở thu gom tập trung tại khu vực kho chứa chất thải rắn sinh hoạt được bố trí phía cuối căn nhà 266A, phân loại và Hợp đồng số 398/HĐVS-ĐT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 ký ngày 31/12/2024.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom vào kho chứa được bố trí phía cuối căn nhà 268 và hợp đồng với Hộ kinh doanh Tam Hồng Phát số 05./HĐKTTMP-THP ngày 01/6/2025 xử lý mỗi ngày có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của bệnh viện sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại được bố trí phía cuối căn nhà 266A và Hợp đồng kinh tế số 1070 HĐ.TP.HCM/VAE-2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc ngày 10/12/2024 với tần suất 1 lần/năm để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

CTR y tế có chứa tác nhân lây nhiễm từ hoạt động của bệnh viện sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải y tế được bố trí phía gần lối hành lang căn nhà 268 và theo Hợp đồng số 95/HĐ.MTĐT-YT/25.4.VX giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2024 với tần suất 3 lần/tuần để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

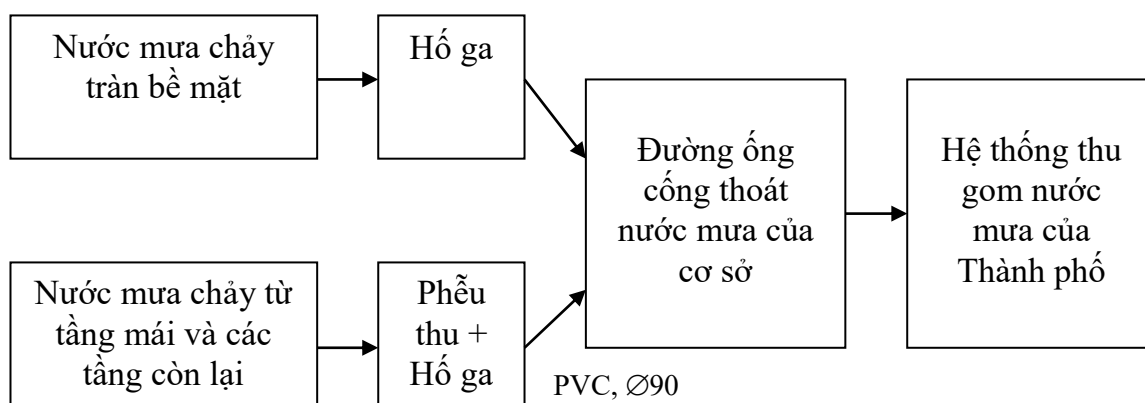
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

- Nguồn phát sinh nước mưa tại Cơ sở: Nước mưa được quy ước là nước sạch: Nước mưa không đi qua các vùng ô nhiễm được xem là nước sạch, có thể xả vào nguồn tiếp nhận khi lắng sơ bộ. Nguồn này gồm nước mưa trên mái nhà khu vực nhà.



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải được xây dựng riêng biệt.

– Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng căn cứ theo quy hoạch thoát nước chung, nước mưa sau khi thu gom được thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố. Nước mưa tại Cơ sở được thu gom như sau:

+ Thoát nước mưa trên mái: lắp đặt các ống xối nhựa PVC có đường kính $\varnothing 90$ nối từ máng xối xuống các hố ga trên mặt đất.

Điểm đầu nối nước mưa của cơ sở với cống thoát nước thành phố:

+ Số lượng hố ga nước mưa: 01 hố ga, (kích thước hố ga: $D \times R \times C = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$).

+ Tọa độ hố ga nước mưa: 01 điểm (đường 3 tháng 2), tọa độ $(X(m) = 1191253 \text{ } Y(m) = 600689)$.



Hình 3. 2. Hố ga đấu nối nước mưa tại Cơ sở

1.2 Thu gom, thoát nước thải

a) Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 6,9 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 1 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,2 m³/ngày.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,5 m³/ngày.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 6 m³/ngày.
- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm tráng phim của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2 m³/ngày.
- Nguồn số 08: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 0,3 m³/ngày.

b) Mạng lưới thu gom:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 6,9 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn, sẽ theo đường ống nhựa PVC có đường kính D114mm, có tổng chiều dài 5m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 1 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,2 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,5 m³/ngày được thu gom bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 6 m³/ngày được thu gom về 02 bể tự hoại bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn, sẽ theo đường ống nhựa PVC có đường kính D114mm, có tổng chiều dài 5m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2,5 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

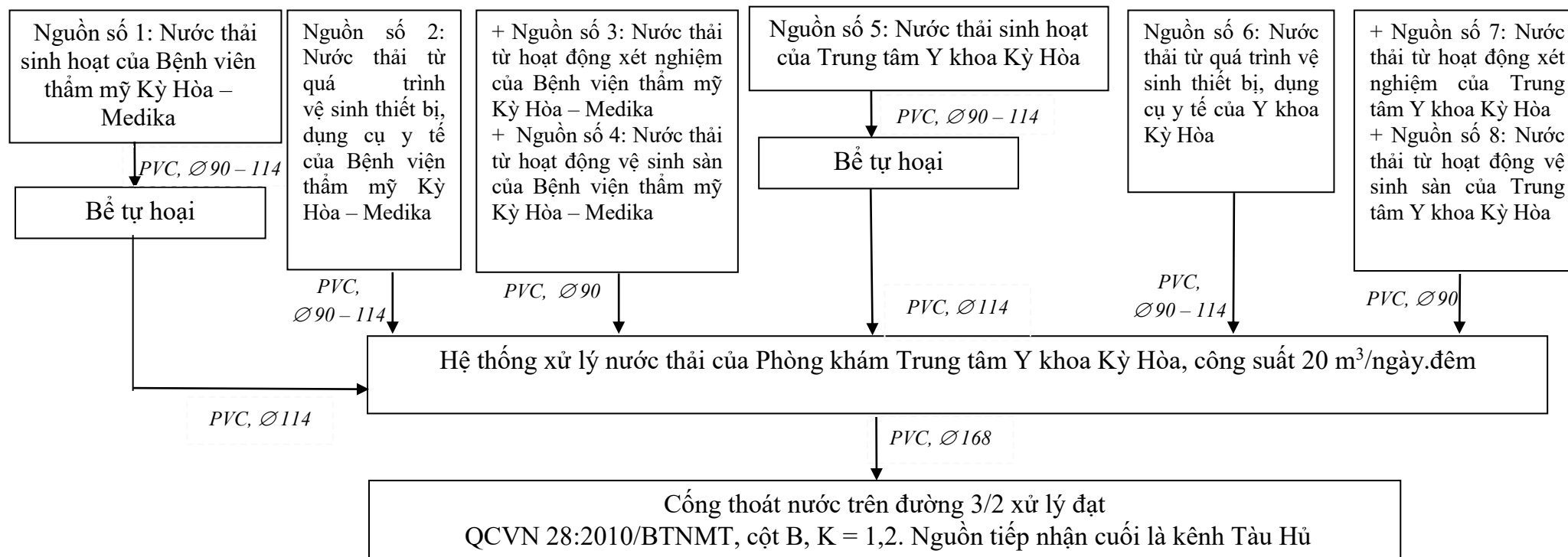
- Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm tráng phim của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 0,3 m³/ngày được thu gom bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

c) Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom nước thải

Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được trình bày trong hình sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”



Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân từ Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính Ø90-114 có tổng chiều dài đường ống là 60m sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn, sau đó, theo đường ống thu gom uPVC có đường kính Ø90-114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Phòng khám Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2 trước khi thoát vào hệ thống cống thoát nước thành phố trên đường 3/2 sau đó tiếp tục chảy ra kênh Tàu Hũ.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân từ Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa sẽ được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính Ø90-114 có tổng chiều dài đường ống là 60m sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn, sau đó, theo đường ống thu gom uPVC có đường kính Ø90-114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2 trước khi thoát vào hệ thống cống thoát nước thành phố trên đường 3/2 sau đó tiếp tục chảy ra kênh Tàu Hũ.

1.2.1. Công trình thu gom nước thải:

Nguồn phát sinh: Theo hoạt động thực tế tại Cơ sở nguồn phát sinh nước thải bao gồm nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân, nước thải y tế từ hoạt động vệ sinh thiết bị, xét nghiệm.

Công trình thu gom:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh và lau sàn được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn.

Bảng 3. 1. Tổng hợp thông số kỹ thuật các bể tự hoại, bể tách mỡ

STT	Hạng mục công trình	Vật liệu	Số lượng	Kích thước (Dài x Rộng x Cao) m	Vị trí
A	Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika				
1	Bể tự hoại số 1	BTCT	1	2,5mx1,4mx2m	Đặt ngầm gần khu vực sảnh chờ
2	Bể tự hoại số 2	BTCT	1	2,5mx1,4mx2m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh khu vực sảnh chờ
3	Bể tự hoại số 3	BTCT	1	2,5mx1,4mx2m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần khu vực nhà xe
	Tổng thể tích (A)			21 m³	
B	Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

1	Bể tự hoại số 1	BTCT	1	2,5mx1,4mx2m	Đặt ngầm gần khu vực nhà vệ sinh
2	Bể tự hoại số 2	BTCT	1	2,5mx1,4mx2m	Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh khu vực sảnh chờ
Tổng thể tích (B)				14 m³	
Tổng thể tích (A+B)				35 m³	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Điểm đầu nối nước thải của cơ sở với công thoát nước thành phố trên đường 3/2:

+ Số lượng hố ga nước thải: 01 hố ga (kích thước: D x R x C = 1m x 1m x 1m).

+ Điểm đầu nối: 01 điểm trên đường 3/2, tọa độ (X(m) = 1191226, Y(m) = 600744).

(Đính kèm hợp đồng xử lý nước thải cho Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa số 01/2025/HĐKT ngày 20 tháng 01 năm 2025).

1.2.2. Công trình thoát nước thải:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân, sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố trên đường 3 tháng 2 (tọa độ X(m) = 1191226; Y(m) = 600744).

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp và Giấy xác nhận vị trí đầu nối công thoát nước của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh tại địa chỉ 262-264-266-266A-268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM số 361/TTCN-QLTN ngày 31/3/2015 do Trung tâm điều hành chương trình chống ngập - Ủy ban nhân dân TP.HCM.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải theo đường ống PVC Ø168 chảy ra hố ga cuối phía trước căn nhà Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đầu nối vào hệ thống thu gom nước của thành phố trên đường 3/2 (tọa độ X(m) = 1191226; Y(m) = 600744).

Vị trí xả nước thải: phía trước căn nhà số 262 đường 3/2. Số lượng hố ga đầu nối: 01.

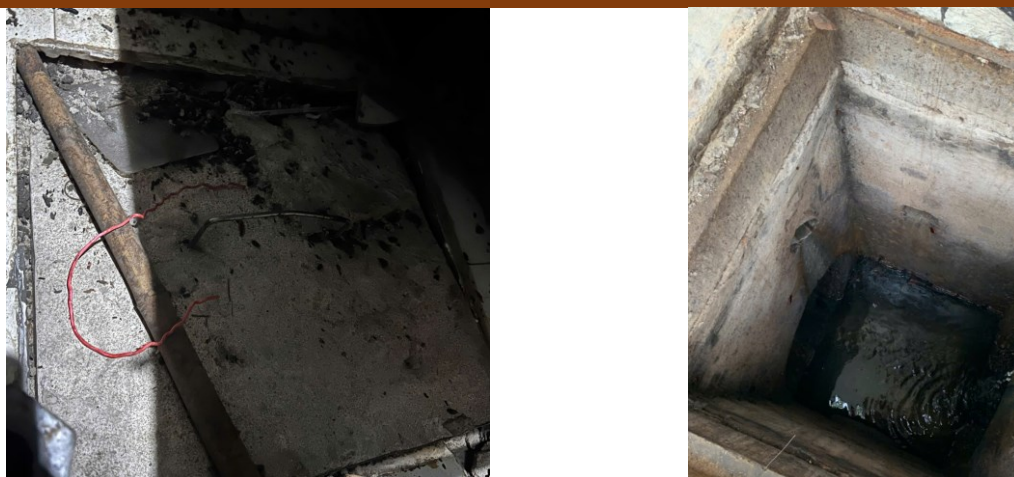
Điểm đầu nối nước thải của cơ sở với công thoát nước thành phố:

+ Số lượng hố ga nước thải: 01 hố ga, (kích thước: D(m) x R(m) x C(m) = 1m x 1m x 1m).

+Điểm đầu nối: 01 điểm trên đường 3/2, tọa độ (X(m) = 1191226; Y(m) = 600744).

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực TP.HCM 105⁰45', múi chiều 3⁰)

Nguồn tiếp nhận: Kênh Tàu Hủ.



Hình 3. 4. Vị trí hố ga giám sát nước thải của cơ sở và hố ga cuối trên đường 3/2

1.3 Xử lý nước thải:

a) Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh khoảng 12,9 m³/ngày, trong đó, lượng nước thải sinh hoạt của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika, nước thải từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân tại cơ sở khoảng 6,9 m³/ngày và lượng nước thải sinh hoạt của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika, nước thải từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân tại cơ sở khoảng 6 m³/ngày (*Chi tiết theo tính toán tại bảng 1.6*).

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã tận dụng 3 bể tự hoại của 3 căn nhà 262-264-266 và 2 bể tự hoại của 2 căn nhà 266A – 268 với kích thước như sau:

+ Bể tự hoại 01: Đặt ngầm gần khu vực sảnh chờ, $V = 7 \text{ m}^3$ ($D \times R \times C = 2,5 \times 1,4 \times 2 \text{ m}$), vật liệu: BTCT.

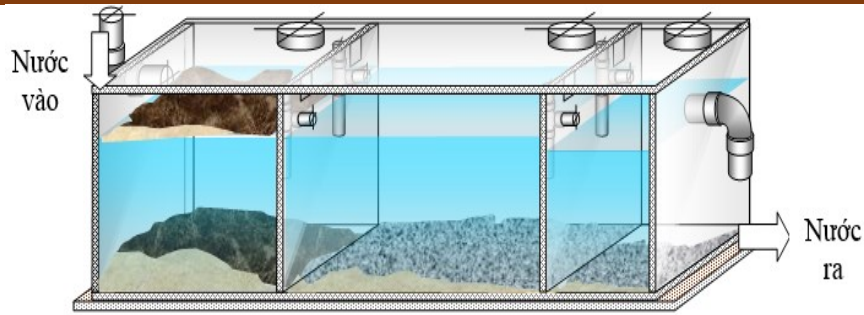
+ Bể tự hoại 02: Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh khu vực sảnh chờ, $V = 7 \text{ m}^3$ ($D \times R \times C = 2,5 \times 1,4 \times 2 \text{ m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại 03: Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh gần khu vực nhà xe, $V = 7 \text{ m}^3$ ($D \times R \times C = 2,5 \times 1,4 \times 2 \text{ m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại 04: Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh, $V = 7 \text{ m}^3$ ($D \times R \times C = 2,5 \times 1,4 \times 2 \text{ m}$), vật liệu: BTCT.

+ Bể tự hoại 05: Đặt ngầm khu vực nhà vệ sinh, $V = 7 \text{ m}^3$ ($D \times R \times C = 2,5 \times 1,4 \times 2 \text{ m}$), vật liệu: BTCT.

Mô hình bể tự hoại được thể hiện trong hình dưới:



Hình 3. 5. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ bồn cầu được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại là một bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4 x 6 phía dưới, phía trên là đá 1 x 2.

Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân, sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố trên đường 3 tháng 2 (tọa độ X(m) = 1191226; Y(m) = 600744). Sau đó, theo dòng nước của cống thành phố chảy ra nguồn tiếp nhận là Kênh Tàu Hũ.

- *Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước sau xử lý*

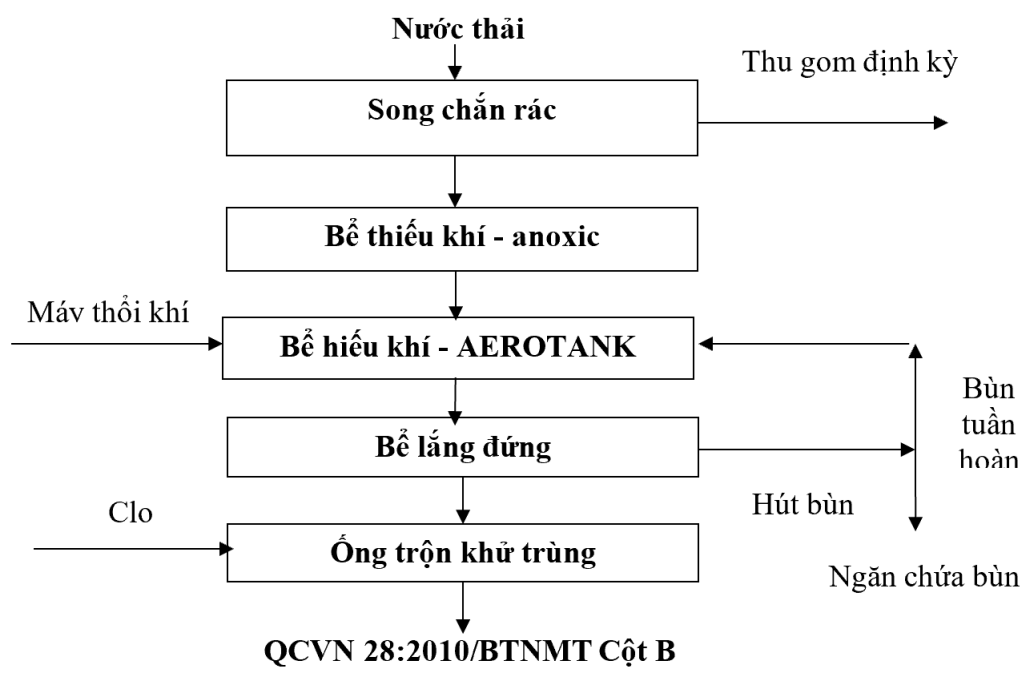
Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.

b) Nước thải sản xuất:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân, sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika cùng với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa sẽ được dẫn về hệ thống

xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố trên đường 3/2 (tọa độ X(m) = 1191226; Y(m) = 600744).

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải, công suất 20 m³/ngày.đêm của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, công suất 20 m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Bể gom:

Nước thải theo mạng lưới thoát nước riêng chảy qua song chắn rác vào bể gom. Bể gom được thiết kế đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh. Nước thải sau khi được thu gom tại bể gom sẽ được bơm vào bể sinh học.

- Cụm bể sinh học (Anoxic và Arotank):

Bể sinh học hiếu khí vật liệu đệm là nơi diễn ra quá trình phân hủy chất hữu cơ và quá trình Nitrat hóa trong điều kiện cấp khí nhân tạo bằng máy thổi khí. Các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan chuyển hóa thành bông bùn sinh học – quần thể vi sinh vật hiếu khí – có khả năng lắng dưới tác dụng của trọng lực. Tại bể sinh học hiếu khí vật liệu đệm, nước thải được phân bố đều trên mặt lớp vật liệu nhờ hệ thống phân phối khí được lắp đặt dưới đáy bể. Quần thể vi sinh vật sống bám trên giá thể tạo nên màng nhầy sinh học có khả năng hấp phụ và phân hủy chất hữu cơ trong nước thải. Quần thể vi sinh vật này có thể bao gồm vi khuẩn hiếu khí, vi khuẩn tùy tiện, nấm, tảo và các động vật nguyên sinh. Ngoài ra, còn có giun, ấu trùng, côn trùng, ốc,.. nhưng vi khuẩn hiếu khí chiếm phần đa số. Trong bể sinh học hiếu khí quá trình bùn hoạt tính, các chất hữu cơ hoà tan và không hòa tan chuyển hóa thành bông bùn sinh học quần thể vi sinh vật hiếu khí – có khả năng lắng dưới tác

dụng của trọng lực. Không khí được cấp liên tục nhờ vào 02 máy thổi khí nhằm xáo trộn với bùn hoạt tính (oxy hòa tan DO > 2 mg/l), cung cấp oxy cho vi sinh phân hủy chất hữu cơ. Dưới điều kiện như thế, vi sinh sinh trưởng tăng sinh khối và kết thành bông bùn.

Bể sinh học hiếu khí có tròn, hàm lượng bùn hoạt tính và nhu cầu oxy đồng nhất trong toàn bộ thể tích bể. Bể này có ưu điểm chịu được quá tải rất tốt. Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải gọi là dung dịch xáo trộn. Nước thải sau đó sẽ tự chảy sang bể lắng đứng.

- Bể lắng đứng:

Diễn ra quá trình phân tách giữa nước sạch và hỗn hợp bùn hoạt tính. Một lượng hỗn hợp bùn và nước thải bể lắng đứng sẽ được bơm tuần hoàn về cụm bể sinh học. Phần nước sạch chảy qua ống khử trùng vào hố ga cuối trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 28:2010/BTNMT.

Đánh giá hiệu quả: Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa thu gom, xử lý triệt để lượng nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường, chất lượng nước thải y tế đầu ra đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thoát ra công thoát nước của Thành phố.

Thông số kỹ thuật cơ bản:

Bảng 3. 2. Danh mục thông số kỹ thuật của bể xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng (bể)	Kích thước DxRx C (m)	Vật liệu
1	Bể thu gom – T01	2 bể	1,5x2x1	BTCT
2	Bể Anoxic – T02	1 bể	1,1x2,8x0,6	Inox 304, chân đế thép CT3
3	Bể hiếu khí vật liệu đệm – T03	1 bể	1,1x2,5x0,8	Inox 304, chân đế thép CT3
4	Bể lắng đứng – T04	1 bể	1,1x2,2x0,45	Inox 304, chân đế thép CT3

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho HTXLNT tại Cơ sở:

Bảng 3. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Tính chất, công suất	Số lượng (cái)
1	Bơm nhúng chìm	- Xuất xứ: Trung Quốc - Lưu lượng: 1 – 3 m ³ /h - Công suất 0,37 kW	03
2	Bơm định lượng	- Xuất xứ: Mỹ - Lưu lượng: 50 l/h - Công suất 35 kW	01
3	Máy thổi khí	- Xuất xứ: Nhật Bản - Lưu lượng: 1 m ³ /phút - Công suất 0,75 kW	02
4	Bơm bùn	- Công suất: 1 HP - H _{max} = 8mH ₂ O	01

	- $Q_{\max} = 14 \text{ m}^3/\text{h}$	
--	--	--

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Biên bản nghiệm thu hoàn thành số 01 ngày 24/11/2014 giữa Công ty TNHH TV – DT BTT và Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh về việc nghiệm thu HTXLNT.

- Điện năng, hóa chất sử dụng
- Điện năng tiêu thụ được ước tính khoảng: 7.979 Kwh/tháng.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3. 4. Hóa chất, vật liệu sử dụng của HTXLNT

STT	Hóa chất sử dụng	Lượng sử dụng năm 2024 (kg/năm)
1	Clo	120
Tổng cộng		120

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2024)

- Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước sau xử lý

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.

Ngoài ra, theo kết quả quan trắc nước thải năm 2024 vào các ngày 25/3/2024, 24/7/2024, 07/10/2024, 12/12/2024 thể hiện như sau:

Bảng 3. 5. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2
			25/3/2024	24/7/2024	07/10/2024	12/12/2024	
1	pH	-	7,32	7,5	7,82	7,03	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/l	95	32	61	39	120
3	COD	mg/l	104	62	59	56	120
4	BOD ₅	mg/l	43	27	34	22	60
5	Nitrat	mg/l	0,1	6,6	18,4	10,4	60
6	Phosphat	mg/l	5,66	2,67	5,7	0,59	12
7	Sunfua	mg/l	1,78	KPH	KPH	KPH	4,8
8	Amoni	mg/l	8,4	11	8,3	< 1,67	12
9	Salmonella	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
10	Shigella	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	Vibrio Chlerae	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,12
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH	KPH	KPH	KPH	1,2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

	xạ β						
14	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	24
15	Coliform	MPN/100ml	3.700	40	2.800	4.300	5.000

Nhận xét: Dựa trên kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý thì chất lượng nước thải đạt tất cả các chỉ tiêu QCVN 28:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Ngoài ra, theo kết quả quan trắc nước thải Quý 1, Quý 2 năm 2025 vào ngày 19/5/2025, 10/7/2025, thể hiện như sau:

Bảng 3. 6. Kết quả quan trắc nước thải Quý 1, Quý 2 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2
			19/5/2025	10/7/2025	
1	pH	-	7,22	7,15	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/l	< 18	52	120
3	COD	mg/l	31	43	120
4	BOD ₅	mg/l	17	26	60
5	Nitrat	mg/l	0,97	14,6	60
6	Phosphat	mg/l	0,41	KPH	12
7	Sunfua	mg/l	KPH	KPH	4,8
8	Amoni	mg/l	9,3	KPH	12
9	Salmonella	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
10	Shigella	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
11	Vibrio Chlerae	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH	KPH	0,12
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH	KPH	1,2
14	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	KPH	KPH	24
15	Coliform	MPN/100ml	540	1.300	5.000

Nhận xét: Dựa trên kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý thì chất lượng nước thải đạt tất cả các chỉ tiêu QCVN 28:2010/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, hoạt động sử dụng xe máy, xe ô tô của nhân viên làm việc tại Cơ sở, Chủ cơ sở đang áp dụng các biện pháp sau:

- Sắp xếp người vệ sinh, quét dọn và xịt nước làm sạch nền hàng ngày tránh tình trạng tích tụ cát bụi trên vỉa hè phía trước.
- Lắp đặt kính cho các cửa ra vào để giảm sự ảnh hưởng của bụi phía trước cơ sở.
- Phương tiện khi ra vào dự án đầu tư phải giảm tốc độ.

2.2. Bụi và khí thải từ các hoạt động khám chữa bệnh

Để giảm thiểu tác động ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện, Chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trong toàn bộ các khu khám và điều trị của Bệnh viện.
- Thiết kế các phòng khám và điều trị thông thoáng bằng phương pháp thông gió tự nhiên và hút khí thải (hơi hóa chất, dung môi tồn lưu trong môi trường không khí) của phòng khám ra ngoài.
- Có lắp đặt hệ thống lọc không khí tại các khu vực, phòng ban, nhất là các khu vực có yêu cầu cao như phòng mổ, phòng cấp cứu.
- Mạng lọc khí của điều hòa cần được vệ sinh khử khuẩn định kỳ theo quy định.
- Kiểm tra định kỳ môi trường không khí khu vực trọng điểm như phòng mổ để có giải pháp khắc phục kịp thời khi không khí bị ô nhiễm.
- Xây dựng quy trình vệ sinh chuẩn nhằm đáp ứng tốt các quy định trong vệ sinh và khử khuẩn môi trường làm việc tại Bệnh viện.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các phòng khám và điều trị bệnh, các phòng xét nghiệm, phòng phẫu thuật để tránh tích tụ khí độc cũng như vi sinh vật gây bệnh trong môi trường.
- Thu gom rác thải thường xuyên từ các vị trí phát sinh, kho lưu trữ chất thải rắn để tránh phát tán mùi hôi, vi khuẩn gây bệnh.

2.3. Phương án giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng

Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika sử dụng 01 máy phát điện dự phòng dùng chung với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, công suất 125 kVA, máy phát điện đặt tại căn nhà 266A.

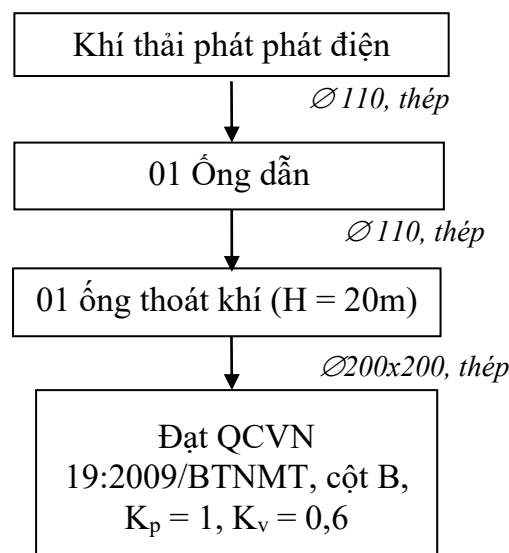
Theo kết quả quan trắc năm 2023 từ máy phát điện khi sử dụng nhiên liệu là dầu DO (0,05%S) thì nồng độ các chất ô nhiễm có trong khói thải vẫn đạt quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, để hạn chế những tác động của khí thải đến chất lượng môi trường làm việc cũng

như môi trường xung quanh thì ống khói thải khí phải có đường kính và chiều cao thích hợp nhằm nhanh chóng khuếch tán lượng khí thải.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã lắp đặt ống khói thải khí thải từ máy phát điện cao 20m so với mặt đất, phi $\varnothing 200 \times 200$, vật liệu sắt để dẫn khí thoát ra ngoài môi trường và chỉ sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm các chất gây ô nhiễm khí thải trong quá trình đốt nhiên liệu. Khí thải sau khi qua ống khói đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1$; $K_v = 0,6$ trước khi thải ra môi trường.

Đồng thời, công ty còn áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu sự ảnh hưởng đến mức thấp nhất sự ảnh hưởng của khí thải máy phát điện tới môi trường và sức khỏe bệnh nhân và nhân viên y tế của Bệnh viện:

- Dòng máy thế hệ mới có tính năng tiêu thụ năng lượng thấp và giảm các tác động đến môi trường xung quanh.
- Bảo ôn nhiệt và chống ồn quanh thân máy.
- Máy phát điện dự phòng được đặt trong một tòa nhà riêng biệt, tại khu tách biệt với các khu khám của Bệnh viện.
- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
- Mặt khác, trên thực tế máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện đột xuất nên việc áp dụng thoát khí thải thông qua ống khói cao là phù hợp.



Hình 3. 7. Khu vực để máy phát điện dự phòng



Hình 3. 8. Vị trí máy phát điện và Ống khói máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA đặt tại căn nhà 266A

Ngoài ra, theo kết quả quan trắc khí thải 2 Quý năm 2024 vào các ngày 25/3/2024, 24/7/2024 thể hiện như sau:

Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc khí thải máy phát điện dự phòng 06 tháng đầu năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
			25/3/2024	24/7/2024	
1	SO ₂	mg/Nm ³	62	72	500
2	NO _x	mg/Nm ³	118	315	850
3	CO	mg/Nm ³	95	86	1.000
4	Bụi	mg/Nm ³	34,7	72,7	200

Nhận xét: Dựa trên kết quả quan trắc chất lượng khí thải máy phát điện dự phòng thì chất lượng khí thải đạt tất cả các chỉ tiêu QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hiện tại, máy phát điện của Cơ sở bị hỏng nên không tiến hành quan trắc môi trường.

2.4. Bụi và khí thải từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh được đặt khu vực riêng biệt tại căn nhà 266A của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa với hệ thống công suất 20 m³/ngày.đêm nên các khí phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải không phát tán ra môi trường ngoài.

Nước thải từ các khu vực phát sinh, từ bể tự hoại của cơ sở được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, khi hệ thống xử lý gặp sự cố các chất ô nhiễm trong nước thải sẽ phân hủy gây mùi hôi khó chịu, ảnh hưởng sức khỏe con người. Giải pháp xử lý như sau:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ trong nước thải gây mùi khó chịu.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố phải báo ngay với cơ quan chức năng để phối hợp xử lý và khắc phục sự cố.

- Đơn vị sẽ phân công cán bộ phụ trách môi trường để thực hiện công tác quản lý môi trường tại bệnh viện, vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2.5. Giảm thiểu mùi phát sinh từ khu xử lý nước thải, từ các hố ga, cống của hệ thống thoát nước và từ khu vực lưu trữ chất thải rắn hữu cơ

**** Mùi hôi phát sinh từ nhà vệ sinh:***

Để giảm thiểu mùi hôi và các bệnh truyền nhiễm từ nhà vệ sinh, phòng khám sử dụng các biện pháp:

- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực nhà vệ sinh.
- Sử dụng nước xịt phòng để khử bớt mùi hôi.
- Trang bị xà phòng rửa tay cho người lao động.
- Định kỳ kiểm tra, sửa chữa các thiết bị được lắp đặt trong nhà vệ sinh.

**** Mùi hôi từ quá trình tập kết rác:***

Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác do quá trình phân hủy các thành phần hữu cơ trong rác thải. Giải pháp xử lý như sau:

- Khu chứa rác bố trí gần khu vực xử lý nước thải cách xa các khu vực khám chữa bệnh, tại khu vực có ít người qua lại và thường xuyên vệ sinh để hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Rác thải được thu gom và lưu chứa riêng thành từng phần (rác thải sinh hoạt, rác thải y tế). Nhân viên vệ sinh thu gom các chất thải từ nơi phát sinh tới nơi tập trung chất thải của phòng chức năng. Khi rác đầy ở mỗi thùng rác, nhân viên vệ sinh cột túi và tránh vận chuyển chất thải qua các khu vực chăm sóc người bệnh và các khu vực sạch để không làm ô nhiễm môi trường không khí tại các khu vực sạch trong cơ sở.

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy tại các phòng làm việc, khu khám bệnh; bố trí thùng chứa rác thông thường, dán nhãn chất thải rắn thông thường trong khu vực lưu bệnh nội trú; Bố trí thùng rác sinh hoạt trong khuôn viên cơ sở và tập kết về khu vực chứa rác sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hằng ngày.

- Đối với chất thải y tế không được để quá thời gian quy định, nhằm tránh tình trạng rác bị phân hủy tạo thành phần khí độc hại phát tán vào môi trường.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải rắn sẽ được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban

hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023. Chất thải rắn khi phát sinh sẽ được phân loại tại nguồn theo tính chất (thông thường, kiểm soát, nguy hại). Kế hoạch không chế ô nhiễm chất thải như sau:

- **Chất thải rắn sinh hoạt**

- *Nguồn phát sinh*: chủ yếu là rác thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân. Theo bảng 2.23 quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo đầu người của đô thị đặc biệt là 1,3 kg/người.ngày. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án như sau:

- Số lượng nhân viên tại cơ sở: 100 người. Hệ số phát thải rác thải sinh hoạt: 1,3 kg/người.ngày → Tổng khối lượng rác phát sinh: 130 kg/ngày.

- Số lượng bệnh nhân tới khám tối đa tại phòng khám: 330 người. Hệ số phát thải rác thải sinh hoạt: 0,5 kg/người.ngày (theo Tổ chức Y tế thế giới, WHO) → Tổng khối lượng rác phát sinh: 165 kg/ngày.

Như vậy, tổng lượng chất thải rắn phát sinh cao nhất tại dự án **khoảng 295 kg/ngày**.

Chủ cơ sở cam kết phối hợp với địa phương hướng dẫn nhân viên vệ sinh phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/QH14/2020: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cá nhân được phân loại thành 03 nhóm là loại “Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế”, “Chất thải thực phẩm” và “Chất thải rắn sinh hoạt khác”.

Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: bao gồm tạp chí, báo, giấy, vỏ hộp sữa, hộp giấy carton, thùng carton, Đồ nhựa các loại (lon nước ngọt, xô, chậu, túi...); Đồ nhôm (lon bia, nồi, ấm,...); Đồ thủy tinh (chai, lọ...); đồ kim loại (sắt, thép...); Nhóm cao su (vỏ xe, dép,...). Phế liệu trong sinh hoạt, chủ nguồn thải có thể bán, cho các cá nhân, tổ chức thu gom có chức năng hoặc lực lượng thu gom tại nguồn.

Chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả hư hỏng; cỏ, lá cây, hoa các loại; bã trà, bã cà phê; các loại vỏ, hạt trái cây,...

Chất thải rắn sinh hoạt khác: Vỏ bao bì bánh, kẹo, giấy bạc; hạt hút ẩm; Đồ sành, sứ, gốm vỡ; túi nylon, giấy ăn đã sử dụng,...

Bảng 3. 8. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh cao nhất

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tạp chí, báo, giấy, vỏ hộp sữa, hộp giấy carton, thùng carton,...	59
2	Chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng,...	177
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác: Vỏ bao bì bánh, kẹo, giấy bạc,...	59
Tổng cộng		295

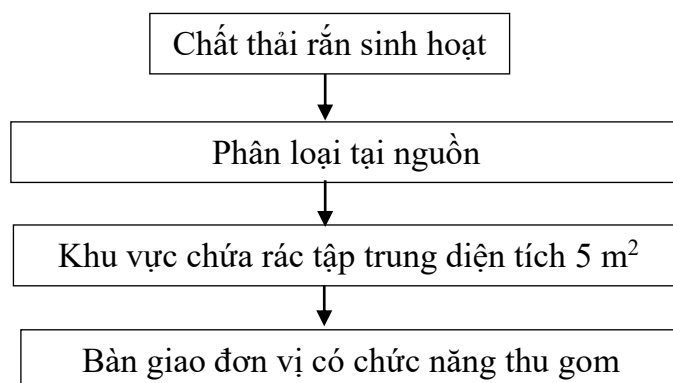
(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

✓ **Phương án thu gom, lưu giữ CTRSH**

Đối với Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika:

Tại bệnh viện bố trí khoảng 48 thùng rác màu xanh, cấu tạo vật liệu HDPE có túi lót màu xanh dung tích 15 lít, 20 lít đặt trong các phòng khám, nhà vệ sinh,... để thu gom, phân loại tại nguồn lượng CTR sinh hoạt phát sinh.

Quy trình thu gom và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt như sau:



Hình 4. 1. Sơ đồ phân loại, thu gom và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika

Thuyết minh quy trình:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại bệnh viện được nhân viên vệ sinh phân loại tại nguồn thành 03 nhóm và dán nhãn riêng biệt (theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/QH14/2020).

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được đưa về kho rác tập trung khi đầy hoặc theo khung giờ thu gom hàng ngày. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt đặt tại phía cuối căn nhà 266A, có diện tích 5m². Tại đây bố trí 06 thùng chứa rác màu xanh, dung tích 240 lít, cấu tạo vật liệu HDPE.

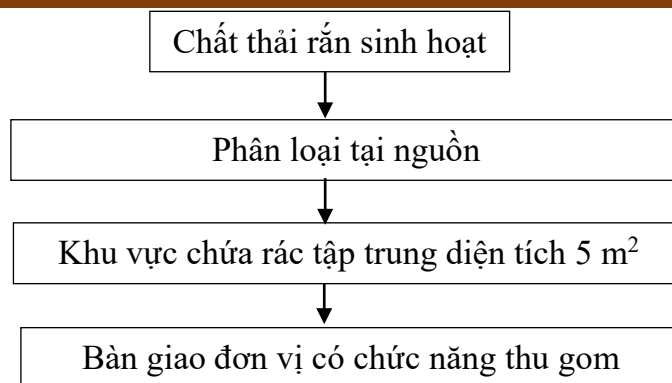
- Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo Hợp đồng số 398/HĐVS-ĐT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 ký ngày 31/12/2024. Mỗi ngày đơn vị thu gom sẽ đến cơ sở thu gom chất thải rắn sinh hoạt và mang đi xử lý (trừ ngày chủ nhật, lễ tết và những ngày nghỉ theo quy định của nhà nước) (Hợp đồng đính kèm tại phụ lục báo cáo).

- Tần suất thu gom là 1 ngày/lần.

Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

Tương tự như bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika, Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa bố trí khoảng 80 thùng rác màu xanh, cấu tạo vật liệu HDPE có túi lót màu xanh dung tích 15 lít, 20 lít đặt trong các phòng khám, nhà vệ sinh,... để thu gom, phân loại tại nguồn lượng CTR sinh hoạt phát sinh.

Quy trình thu gom và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt như sau:



Hình 4. 2. Sơ đồ phân loại, thu gom và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa

Thuyết minh quy trình:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại bệnh viện được nhân viên vệ sinh phân loại tại nguồn thành 03 nhóm và dán nhãn riêng biệt (theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/QH14/2020).

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được đưa về kho rác tập trung khi đầy hoặc theo khung giờ thu gom hàng ngày. Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt đặt tại phía cuối căn nhà 266A, có diện tích 5m². Tại đây bố trí 06 thùng chứa rác màu xanh, dung tích 240 lít, cấu tạo vật liệu HDPE.

- Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo Hợp đồng số 398/HĐVS-ĐT giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 ký ngày 31/12/2024. Mỗi ngày đơn vị thu gom sẽ đến cơ sở thu gom chất thải rắn sinh hoạt và mang đi xử lý (trừ ngày chủ nhật, lễ tết và những ngày nghỉ theo quy định của nhà nước) (Hợp đồng đính kèm tại phụ lục báo cáo).

Bảng 3. 9. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Khu chứa chất thải rắn sinh hoạt	01	- Diện tích: 5 m². - Nền và vách bằng bê tông thông thoáng, có mái che. - Vị trí: Được bố trí phía cuối căn nhà 266A <u>Thùng chứa:</u> - Dung tích 240 lít, số lượng 06 thùng. - Có bánh xe, nắp đậy kín - Vật liệu: Nhựa HDPE - Chịu va đập, nhiệt độ cao

• **Chất thải rắn thông thường được phép thu gom với mục đích tái chế**

Chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế bao gồm: *Chất thải là vật liệu nhựa, không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại; Chất thải là vật liệu giấy không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng*

chất thải nguy hại; Chất thải là vật liệu thủy tinh không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh.

Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế phát sinh cao nhất ước tính khoảng 14.920 kg/năm với các thành phần như: Chai truyền dịch nhựa dẻo, chai truyền dịch nhựa cứng, can nhựa, vỏ hộp thuốc, chai lọ thủy tinh,... được nhân viên dự án thu gom, phân loại tại nguồn không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải là vật liệu nhựa, không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại (<i>Chai dịch truyền nhựa dẻo, Chai dịch truyền nhựa cứng...</i>)	13 01 05	12.480
2	Chất thải là vật liệu giấy không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại	13 01 05	1.630
3	Chất thải là vật liệu thủy tinh không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh	13 01 05	810
Tổng cộng			14.920

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Theo đánh giá, chất thải rắn thông thường được phép thu gom với mục đích tái chế không gây tác động đến môi trường và con người nếu được quản lý, thu gom và lưu trữ đúng nơi quy định. Chủ cơ sở đang áp dụng quy trình quản lý cụ thể thành phần chất thải này theo đúng Thông tư 20/2021/TT-BYT - Quy định quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Bảng 3. 11. Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường	01	- Diện tích: 4 m². - Nền và vách bằng bê tông thông thoáng, có cửa đóng mở, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn. - Vị trí: Được bố trí gần lối hành lang căn nhà 268, có biển báo <u>Vật liệu chứa:</u> - Số lượng: 02 bao PP, loại 150kg

Đối với phế liệu được tái sử dụng hoặc tiếp tục chuyển giao cho các đơn vị thu mua là Hộ kinh doanh 05./HDKTTMP-THP ngày 01/6/2025 thu gom mỗi ngày và xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Cơ sở sẽ được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Chủ cơ sở thực hiện lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải rắn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.HCM định kỳ tích hợp trong Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.



Hình 3. 9. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- **Chất thải nguy hại không lây nhiễm**

Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chiếu sáng và từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, vận hành hệ thống xử lý nước thải,...

Khối lượng CTNH không lây nhiễm phát sinh cao nhất trong quá trình hoạt động của dự án được ước tính khoảng 982 kg/năm, cụ thể như sau:

Bảng 3.12. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái			Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)		
		Rắn	Lỏng	Bùn		Hiện hữu (Năm 2023)	Hiện hữu (Năm 2024)	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	15	7	70
2	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	-	10
3	Giẻ lau, bao tay thải dính TPNH	x			18 02 01	-	-	24
4	Hộp mực in thải có các TPNH	x			08 02 04	-	-	24
5	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	-	-	24
6	Dầu động cơ		x		17 02 03	-	-	24
7	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải ^(*)			x	12 06 05	-	-	806
Tổng cộng						15	7	982

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

Ghi chú: (*)

Ước tính khối lượng bùn phát sinh:

Trong năm 2023, tại dự án không tiến hành hút bùn nên khối lượng bùn hiện hữu phát sinh được ước tính theo *Giáo trình Xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp của Trịnh Xuân Lai, Nhà xuất bản xây dựng, 2011*, lượng bùn phát sinh được tính toán như sau, cụ thể như sau:

Tổng lượng nước thải tối đa phát sinh: $Q_t = 19,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nồng độ BOD₅ đầu vào (D_{BODv}) dự kiến: $D_{BODv} = 95 \text{ mg/l}$.

Nồng độ BOD₅ đầu ra (D_{BODr}) sau xử lý theo QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B:

$D_{BODr} = 18 \text{ mg/l}$

Nồng độ TSS đầu vào dự kiến: $D_{TSSv} = 105 \text{ mg/l}$.

Nồng độ TSS đầu ra sau xử lý theo QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B: $D_{TSSr} = 23 \text{ mg/l}$.

Hệ số sản lượng: $Y_{obs} = 0,375$

Lượng bùn thải phát sinh từ quá trình phân huỷ BOD₅:

$P_{xss} = \{Q_t \times (D_{BODv} - D_{BODr}) \times Y_{obs}\} / \{0,8 \times 1.000\} = \{19,4 \times (95 - 18) \times 0,375\} / \{0,8 \times 1.000\} = 0,7 \text{ kg/ngày}$.

Lượng bùn thải sinh ra do TSS trong bể lắng:

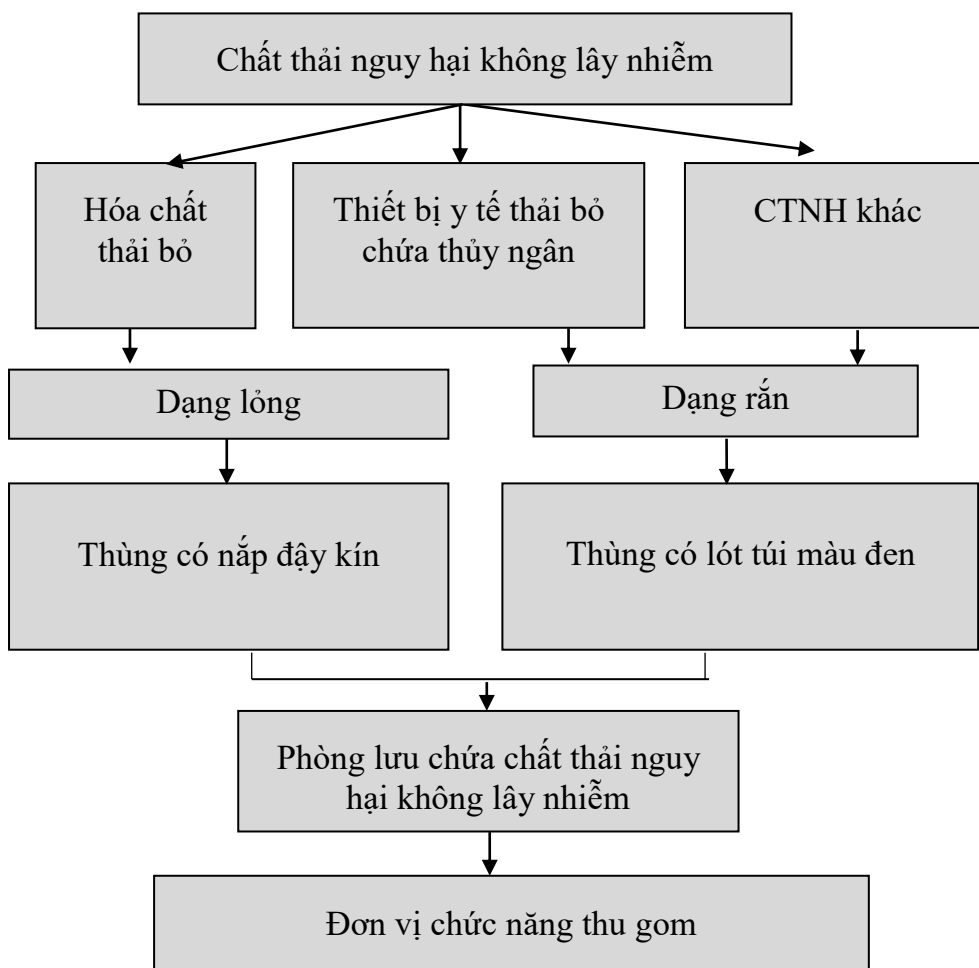
$P_{ss} = Q_t \times (D_{TSSv} - D_{TSSr}) / 1.000 = 19,4 \times (105 - 23) / 1.000 = 1,59 \text{ kg/ngày}$.

→ Tổng lượng bùn phát sinh: $P_L = P_{xss} + P_{ss} = 0,7 + 1,59 = 2,29 \text{ kg/ngày} \approx 806 \text{ kg/năm} = 0,54 \text{ m}^3/\text{năm}$ (Trọng lượng riêng của bùn là $1,5 \text{ kg/lít}$)

Bùn thải phát sinh tại dự án có độ độc cao và chứa nhiều vi sinh vật, mầm bệnh, kháng sinh và hóa chất độc hại, nếu không được quản lý và lưu giữ, xử lý đúng quy định sẽ gây nguy hiểm đối với môi trường và sức khỏe con người. Vì vậy, lượng bùn thải nguy hại phát sinh tại dự án sẽ được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

✓ **Phương án thu gom, lưu giữ CTNH không lây nhiễm:**

Quy trình chung thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm tại dự án như sau:



Hình 4. 3. Quy trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm

Thuyết minh quy trình:

Bước 1: Thu gom CTNH từ nơi phát sinh

Tại các khu vực phát sinh CTNH thường xuyên như phòng khám, khu xét nghiệm,... Khi chất thải nguy hại đến mức lưu chứa quy định là $\frac{3}{4}$ thùng chứa, nhân viên vệ sinh sẽ cột miệng túi lại, thu gom và vận chuyển đến kho lưu trữ tại tầng hầm.

Bước 2: Vận chuyển CTNH đến kho lưu chứa

Chất thải nguy hại sau khi được thu gom vào thùng chứa, đậy nắp đối với chất thải lỏng hoặc cột kín đối với chất thải thu gom bằng túi nylon, sẽ được dán nhãn và phân loại từng loại chất thải được vận chuyển bằng xe đẩy vào nhà kho CTNH.

Bước 3: Quản lý, lưu trữ CTNH

Sau khi vận chuyển vào kho, nhân viên vệ sinh sẽ đặt chất thải đúng vị trí thùng chứa, đúng mã quản lý CTNH đã dán sẵn trong kho theo đúng quy định. Sau đó bộ phận phụ trách sẽ ghi vào phiếu theo dõi khối lượng phát sinh.

Bước 4: Xử lý

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải y tế và chất thải nguy hại.

- Đối với dược phẩm hết hạn, Chủ dự án sẽ xử lý như sau:

+ Bước 1: Lập bảng Biên bản kiểm kê dược phẩm đã hết hạn sử dụng.

+ Bước 2: Ra quyết định cho phép tiêu hủy dược phẩm đã hết hạn sử dụng có xác nhận của lãnh đạo Công ty.

+ Bước 3: Thành lập Hội đồng hủy thuốc theo quy định tại khoản 6 Điều 15 Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

+ Bước 4: Liên hệ với đơn vị có chức năng thực hiện việc thu gom và tiêu hủy hàng hóa. Trong quá trình tiêu hủy, cần lập biên bản tiêu hủy có chữ ký xác nhận của người chứng kiến, đơn vị giám sát và lãnh đạo công ty. Người chứng kiến có thể là đại diện Chi cục thuế, Sở y tế hoặc các cơ quan chức năng có liên quan khác.

+ Bước 5: Hoàn thiện các biên bản, hồ sơ và nộp lưu ở Công ty và các cơ quan chức năng khác.

Đối với bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika:

Lượng chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa tạm thời trong các thùng rác cấu tạo vật liệu HDPE, dung tích 20 lít. Cuối ngày, bệnh viện bố trí nhân viên thu gom tập trung về lưu chứa tại kho lưu chứa CTNH nằm ở căn nhà 266A, diện tích 3m².

Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng kinh tế số 1070 HĐ.TP.HCM/VAE-2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc ngày 10/12/2024 với tần suất 1 lần/năm để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục báo cáo*).

Đối với Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa:

Tương tự như tại bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika, lượng chất thải nguy hại được thu gom, phân loại tại nguồn và lưu chứa trong các thùng rác cấu tạo vật liệu HDPE, dung tích 20 lít.

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại sẽ được đưa về kho lưu chứa tập trung. Kho chứa CTNH tập trung của dự án bố trí tại phía cuối căn nhà 266A, có diện tích 3m². Kết cấu sàn bê tông, tường khép kín, riêng biệt với các kho lưu chứa khác, có gắn bảng tên phân biệt. Trong kho bố trí 06 thùng chứa rác màu xanh, dung tích 45 lít-60 lít, cấu tạo vật liệu HDPE, bao PE/PP.

Chủ cơ sở đã ký Hợp đồng kinh tế số 1070 HĐ.TP.HCM/VAE-2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc ngày 10/12/2024 với tần suất 1 lần/năm để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục báo cáo*).

Tổng số thùng chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm tại căn nhà 266A: 6 thùng rác, cấu tạo vật liệu HDPE, dung tích 45 lít – 60 lít, bao PE/PP.

- *Bố trí kho CTNH:*
 - + Kho chứa CTNH được bố trí tại phía cuối căn nhà 266A, diện tích 3m², bố trí 06 thùng rác, cấu tạo vật liệu HDPE, dung tích 45 lít – 60 lít, bao PE/PP.
 - + Kho được gắn biển báo kho chứa CTNH.
 - + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu không cháy, kết cấu sàn bê tông, có gờ chống tràn.
- Chủ dự án tiến hành dọn dẹp vệ sinh kho định kỳ. Công việc này sẽ góp phần làm tăng tính an toàn tại kho lưu trữ nhằm hạn chế các sự cố.
- Không để lẫn CTNH với các chất thải không nguy hại và phải cách ly với các CTNH khác.

Ngoài ra, để ứng phó xử lý sự cố cháy nổ xảy ra ở kho CTNH, Chủ dự án có bố trí dụng cụ phòng cháy chữa cháy và vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn hóa chất ở thể lỏng. Và thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ khác như:

- Ban hành quy định cấm hút thuốc lá gần/trong khu vực lưu giữ chất thải.
- Không để các chất thải dễ cháy, nổ gần các vị trí có công tắc điện, thiết bị điện, dây dẫn trong kho.
- Kiểm tra thường xuyên các đường dây truyền tải điện khu vực gần nhà kho.

Bảng 3. 13. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Kho chứa chất thải nguy hại	01	- Diện tích: 3m². - Vị trí: Được bố trí phía cuối căn nhà 266A <u>Thùng chứa:</u> - Số lượng 6 thùng chứa CTNH 45 lít – 60 lít, bao PE/PP. - Có bánh xe, nắp đậy kín - Vật liệu: Nhựa HDPE - Chịu va đập, nhiệt độ cao

- Chủ cơ sở tiến hành dọn dẹp vệ sinh kho định kỳ. Công việc này sẽ góp phần làm tăng tính an toàn tại kho lưu trữ nhằm hạn chế các sự cố.
- Không để lẫn chất thải nguy hại với các chất thải không nguy hại và phải cách ly với các chất thải nguy hại khác.
- Chủ cơ sở có phương án phòng chống sự cố, đảm bảo an toàn trong khu vực lưu giữ.
- Trước khi vận chuyển, bao bì phải được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: Tên và mã CTNH, tên và địa chỉ nơi phát sinh CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói; dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt

Nam TCVN 6707:2009 về Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa (sau đây viết tắt là TCVN 6707:2009) với kích thước ít nhất 05 (năm) cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại tại cơ sở sẽ được quản lý theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Chủ cơ sở thực hiện lưu giữ các chứng từ, nộp chứng từ và lập báo cáo quản lý chất thải rắn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường TP.HCM định kỳ tích hợp trong Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

- **Chất thải lây nhiễm**

- + Chất thải sắc nhọn: Kim tiêm, lưỡi dao tiểu phẫu, dao cạo, kim chọc, pipet, ống xét nghiệm và các vật sắc nhọn khác,...

- + Chất thải không sắc nhọn: bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh,...

- + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Găng y tế, khẩu trang, dây truyền máu, ống hút đờm hoặc thông tiểu, giẻ lau thấm máu,...

- + Chất thải giải phẫu: mô và các bộ phận cơ thể,...

Khối lượng và chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh cao nhất tại dự án được thể hiện trong bảng sau:

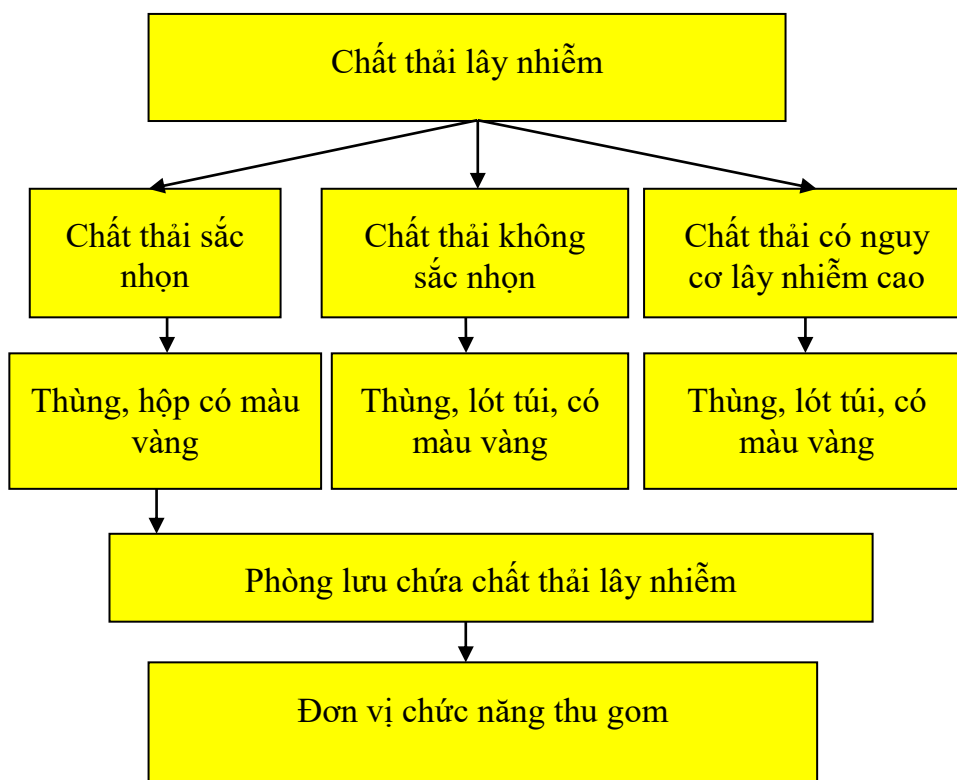
Bảng 3. 14. Khối lượng chất thải lây nhiễm phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)		
			Hiện hữu (Theo sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại năm 2023)	Hiện hữu (Theo sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại năm 2024)	Theo Báo cáo đề xuất cấp GPMT
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, chất thải không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu)	13 01 01	5.880	10.962	11.500

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2025)

✓ **Phương án thu gom, lưu giữ chất thải lây nhiễm**

Quy trình chung thu gom và lưu giữ chất thải lây nhiễm tại dự án như sau:



Hình 4. 4. Quy trình thu gom, lưu giữ chất thải lây nhiễm

Cơ sở thu gom và xử lý chất thải lây nhiễm được thực hiện theo đúng Thông tư 20/2021/TT-BYT:

- + Chất thải sắc nhọn được thu gom, lưu trữ trong các thùng, hộp cứng màu vàng.
- + Chất thải không sắc nhọn chứa trong các túi rác và thùng rác màu vàng có dung tích 15 lít đặt trong các phòng khám, Chủ cơ sở bố trí khoảng 50 thùng trong đó phân bổ khoảng 20 thùng cho Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và khoảng 30 thùng cho Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa.
- + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: chứa trong các túi rác màu vàng cột miệng hoặc thùng dung tích 15 lít, có lót túi màu vàng và đưa về nhà chứa chất thải lây nhiễm. Riêng mô, các bộ phận thải bỏ được chứa trong 2 lớp túi rác vàng, thu gom ngay tại thời điểm phát sinh và đưa về đặt trong tủ chứa với nhiệt độ luôn duy trì ở 4°C. Bố trí 01 thùng chứa dung tích 60 lít, có dán nhãn phân biệt.
- + Đối với các mẫu bệnh phẩm, vật dụng có nguy cơ lây nhiễm sau khi thực hiện xong các xét nghiệm chẩn đoán sẽ được xử lý an toàn theo các bước sau:

Bước 1: Buộc chặt túi đựng bệnh phẩm, vật dụng có nguy cơ lây nhiễm, xịt phun khử khuẩn bên ngoài túi.

Bước 2: Tập trung các bệnh phẩm xét nghiệm, sau đó đưa đến khu vực hấp tiệt trùng của phòng xét nghiệm trong 30 phút ở nhiệt độ 121°C.

- Vận chuyển về nhà rác tập trung:

Toàn bộ chất thải lây nhiễm được thu gom về kho chứa chất thải lây nhiễm được bố trí ở căn nhà 268, có diện tích 4m². Kết cấu sàn bê tông, tường khép kín, riêng biệt với các kho lưu chứa khác, biển tên cảnh báo, có cửa khóa. Trong kho bố trí 03 thùng rác màu vàng dung tích 240 lít, cấu tạo vật liệu HDPE.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng chuyển giao với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM theo Hợp đồng số 95/HĐ.MTĐT-YT/25.4.VX ngày 30/12/2024 để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom 1 lần/ngày (trừ ngày chủ nhật, lễ, tết và những ngày nghỉ theo quy định của nhà nước) (*Hợp đồng đính kèm tại phụ lục báo cáo*).

Tổng số thùng chứa chất thải lây nhiễm tại dự án: 50 thùng rác màu vàng có dung tích 15 lít, cấu tạo vật liệu HDPE; 01 thùng chứa các mẫu bệnh phẩm, mô,... dung tích 60 lít; 03 thùng rác màu vàng, cấu tạo vật liệu HDPE có dung tích 60 lít – 120 lít - 240 lít.



Hình 4. 5. Khu vực lưu giữ chất thải lây nhiễm

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở có loại hình hoạt động là phòng khám đa khoa, nha khoa, thẩm mỹ tiếng ồn độ rung chủ yếu từ phương tiện giao thông, tiếng còi xe cấp cứu, quá trình vận hành máy phát điện, HT XLT. Chủ cơ sở tiến hành áp dụng một số biện pháp sau để hạn chế việc gây ồn ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh khu vực và bệnh nhân trong phòng khám:

- Chấp hành đúng thời gian khám bệnh theo quy định.
- Lắp đặt cửa kính, cửa thép cách âm cho các phòng trong phòng khám.
- Bố trí nhân viên điều phối, tắt còi xe cấp cứu ngay khi đến cổng phòng khám.

- Kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ 3 tháng/lần.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:
- + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố cháy nổ:

Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1498/TD-PCCC (P2) ngày 20/11/2012 do Sở CS PC & CC TP.HCM cấp, Công văn nghiệm thu về PCCC số 259 ngày 30/7/2007 do Sở Cảnh sát PCCC TP.HCM cấp.

Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 233/TD-PCCC (P2) ngày 20/11/2012 do Sở CS PC & CC TP.HCM cấp, Công văn nghiệm thu số 67 ngày 10/01/2014 do Sở Cảnh sát PCCC TP.HCM cấp. Cháy, nổ là sự cố mà không chỉ các doanh nghiệp lo ngại mà còn là mối quan tâm của toàn xã hội vì khi có sự cố cháy nổ xảy ra nó không chỉ gây thiệt hại tài sản của doanh nghiệp đó mà còn để lại hậu quả cho những người lao động, cho chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động. Do đó, Bệnh viện luôn quan tâm và thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy.

Bệnh viện đã đầu tư xây dựng hệ thống PCCC và đã được nghiệm thu hệ thống bởi Công an thành phố Hồ Chí Minh. Các nội dung được nghiệm thu bao gồm:

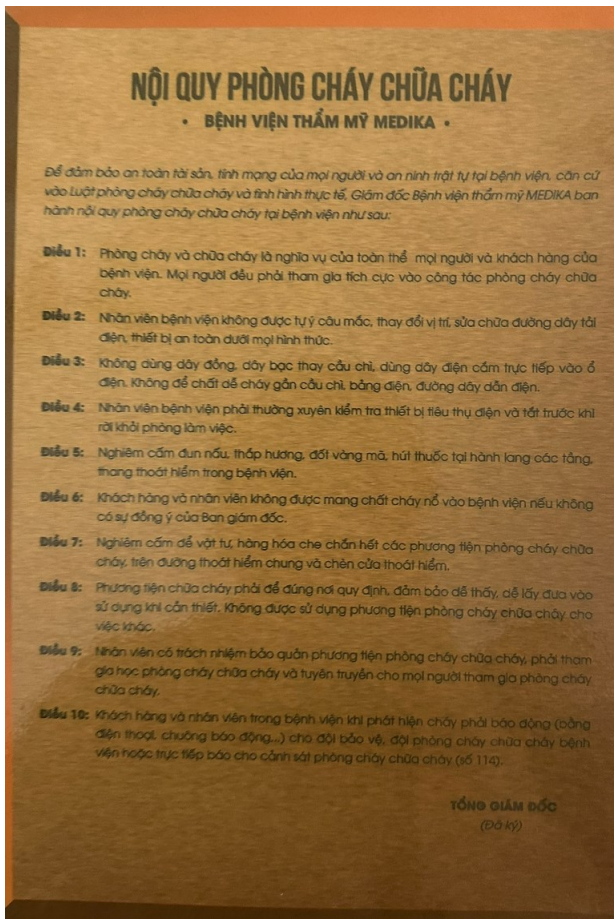
- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn.
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, chữa cháy tự động bằng khí FM-200, bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống bảo vệ chống khói, hệ thống chống sét đánh thẳng.

Bệnh viện sẽ thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. Các thiết bị chính của hệ thống PCCC tại Bệnh viện gồm:

Đường ống cấp nước chữa cháy chính sử dụng ống thép tráng kẽm DN150, đường ống cấp nước cho hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, vách tường sử dụng và giảm cấp DN65, DN50, DN40, DN32, DN25 cấp nước cho đầu phun Sprinkler.

Tại mỗi tầng của cơ sở đều có thiết bị, các vòi phun phục vụ cho phòng cháy chữa cháy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

	
Thiết bị vòi phun phục vụ công tác PCCC	Nội quy phòng cháy chữa cháy của Cơ sở

Hình 4. 6. Nội quy và thiết bị phục vụ cho PCCC tại cơ sở

• **Các biện pháp khác:**

- Hệ thống cấp điện an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra.
- Các máy móc thiết bị được sử dụng trong khám chữa bệnh có hồ sơ lý lịch đi kèm và có đầy đủ các thông số kỹ thuật thường xuyên được kiểm tra giám sát.
- Thành lập đội PCCC. Liên hệ với Công an PCCC của địa phương để tập huấn và thực hành thao tác PCCC định kỳ 01 năm/lần.

Xây dựng các bước ứng cứu kịp thời khi sự cố cháy nổ xảy ra:

Bước 1: Báo động toàn bộ Bệnh viện, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và nhân viên y tế theo các hướng thoát hiểm.

Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại Bệnh viện để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

Bước 3: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

- + Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của khu vực.
- + Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114.
- + Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.
- + Gọi điện thoại báo cho lãnh đạo của Bệnh viện.

Bước 4: Di tản những tài sản có giá trị ra khỏi khu vực của Bệnh viện.

b) Sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Trong quá trình hoạt động khám chữa bệnh, các hóa chất sử dụng có thể bị rò rỉ, đổ tràn. Khi có sự cố rò rỉ hóa chất, Bệnh viện xây dựng quy trình xử lý sự cố như sau:

- Đối với người bị nạn:
 - + Chuyển người bị nạn ra khỏi khu vực bị tràn, đổ hóa chất.
 - + Ngay lập tức khử nhiễm chỗ người bị tiếp xúc.
 - + Cấp cứu và chăm sóc y tế cho cá nhân bị thương.
- Đối với khu vực bị nạn:
 - + Sơ tán người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực tràn đổ.
 - + Áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế lan rộng chất tràn đổ.
 - + Bảo vệ khu vực bị tràn đổ để ngăn ngừa tiếp xúc.
 - + Thu gom chất bị tràn đổ và vật bị nhiễm bẩn, giặt lau sử dụng làm vệ sinh khu vực bị tràn đổ phải được xử lý như chất bị tràn đổ.
 - + Khử nhiễm hoặc khử trùng và lau dọn khu vực tràn đổ, giặt lau đã dụng vệ sinh không được sử dụng lại, khử độc được thực hiện từ vị trí ít bị nhiễm nhất đến chỗ bị nhiễm nhất.
 - + Khử nhiễm hoặc khử trùng các dụng cụ đã sử dụng.
- Báo cáo sự cố:
 - + Thông báo cho người phụ trách quản lý chất thải của dự án đầu tư y tế.
 - + Xác định tính chất của sự cố tràn đổ.
 - + Báo cáo vụ việc

c) Sự cố bể tự hoại:

Tại bể tự hoại, các sự cố thường gặp có thể xảy ra như sau:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào.
- Tắc đường ống dẫn khí gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.
- Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.
Để giảm thiểu sự cố hầm tự hoại cải tiến, cơ sở thực hiện các biện pháp sau đây:
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hầm tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.
- Tiến hành thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho bể tự hoại.
- Định kỳ phải tiến hành hút hầm cầu.

d) Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

Để hạn chế các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước, cơ sở đã có những phương án phòng ngừa như sau:

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn, không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Khi sự cố rò rỉ đường ống xảy ra, cần phải sửa chữa kịp thời và giảm thiểu đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu do rò rỉ nước thải đến môi trường và mỹ quan khu vực.
- Nạo vét bùn trong đường cống thoát nước theo định kỳ.

e) Sự cố tai nạn lao động:

Các nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động như sau:

- Nhân viên không tuân thủ nghiêm ngặt các nội quy về an toàn lao động.
- Sự bất cẩn về điện trong quá trình vận hành máy móc thiết bị.
- Trượt té khi bốc dỡ hàng hoá.
- Không mang thiết bị bảo hộ lao động khi tiến hành các công việc bảo trì máy móc hoặc làm việc trên cao.

Chủ cơ sở sẽ áp dụng những biện pháp sau để đảm bảo an toàn lao động trong Bệnh viện:

- Thường xuyên phổ cập kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên làm việc nhằm nâng cao ý thức an toàn lao động.
- Các giám đốc/giám sát thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra các nhân viên.
- Thường xuyên kiểm tra trang phục bảo hộ lao động.

f) Sự cố tại khu vực máy phát điện:

Để hạn chế những tác hại do sự cố hệ thống máy phát điện dự phòng tạm ngưng hoạt động (hư hỏng máy móc, thiết bị), thì ngoài việc phải kiểm tra và bảo trì thường xuyên, một số biện pháp được áp dụng để hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại như sau:

– Những người vận hành hệ thống máy phát điện phải được đào tạo các kiến thức cơ bản như sau:

- + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống máy phát điện;
- + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị;
- + Hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản;
- + Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý lò dầu. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống máy phát điện dự phòng DO.
- Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống bao gồm:
 - + Thực hành các thao tác vận hành hệ thống máy phát điện;
 - + Thực hành xử lý các tình huống sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình máy phát điện.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì thiết bị máy móc, bố trí nhân sự có tay nghề được đào tạo chính quy.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a) Biện pháp giảm thiểu mùi từ khu vực lưu chứa chất thải, khu vực nhà vệ sinh

Nhằm giảm thiểu mùi hôi gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu cho bệnh viện như sau:

- Rác phát sinh từ hoạt động của cơ sở sẽ được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chuyên dụng có nắp đậy.
- Hàng ngày cử nhân viên quét dọn nhà vệ sinh, định kỳ 1 lần/năm thuê đơn vị chức năng hút từ các bể tự hoại.
- Định kỳ hàng tuần vệ sinh khử trùng khu vực các nhà vệ sinh nhằm hạn chế sự phát triển của các vi khuẩn gây bệnh.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố đối với xử lý nước thải

• Phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải.
- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải. Trạm xử lý nước

thải được vận hành theo đúng quy định vận hành đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

– Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của nhân viên tại hệ thống XLNT kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

– Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải.

• **Phòng ngừa sự cố**

– Khi có sự cố xảy ra, Chủ đầu tư sử dụng thiết bị dự phòng để quá trình xử lý không bị gián đoạn.

– Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống XLNT hoạt động trở lại.

– Tuy nhiên trong quá trình vận hành có thể do lỗi vận hành của nhân viên dẫn đến đầu ra của hệ thống xử lý không đạt. Chủ dự án sẽ kết hợp với các đơn vị có chuyên môn, chức năng trong việc đào tạo, hướng dẫn nhân viên vận hành và giải quyết các hậu quả do sự cố xảy ra.

Bảng 3. 15. Các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXL nước thải

Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp khắc phục
Mức bể điều hoà quá cao	Báo mức bị lỗi	Sửa chữa hoặc thay thế đầu đo mức
Bùn nổi trên bề mặt bể lắng	Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	(1) Tăng lượng khí thổi vào bể hiếu khí (2) Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn
Có bùn lơ lửng trong nước thải sau xử lý	Bể hiếu khí bị khuấy trộn quá mạnh	Giảm sự khuấy trộn trong bể hiếu khí bằng cách điều chỉnh van
	Bùn bị oxy hóa quá mức	Tăng lượng thải bùn, giảm bùn hồi lưu
	Tình trạng yếm khí trong bể hiếu khí	Tăng lượng khí thổi vào bể hiếu khí
	Nước thải đầu vào có chứa các chất độc hại	(1) Phân lập lại vi sinh vật nếu có thể (2) Dừng thải bùn (3) Tăng tốc độ hồi lưu càng cao càng tốt để thiết lập lại quần thể vi sinh

Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp khắc phục
Váng bọt màu nâu đen bền vững trong bể hiếu khí mà phun nước vào cũng không thể phá vỡ ra	F/M (Tỷ số tải trọng thức ăn/lượng vi sinh vật) quá thấp	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra cẩn thận.
	Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học	Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt
Bùn trong bể hiếu khí có xu hướng trở nên đen	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	(1) Tăng sự thông khí bằng cách đặt thêm máy thổi khí khác để hỗ trợ (2) Kiểm tra hệ thống ống thông khí xem có bị rò rỉ không (3) Rửa sạch những đầu phân phối khí bị tắc hoặc lắp thêm những đầu khác nếu có thể (4) Tăng số máy thổi khí
Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể hiếu khí bọt bị kết thành khối	Một số đầu phân phối khí bị tắc hoặc bị vỡ	Rửa sạch hoặc thay thế các đầu phân phối khí, kiểm tra lại khí cấp; lắp đặt những bộ lọc khí ở đầu vào máy thổi khí để giảm việc tắc từ khí bẩn.
Các điểm chết trong bể hiếu khí	Các đầu phân phối khí bị tắc	Súc sạch hoặc thay các đầu phân phối khí - kiểm tra lại sự cấp khí - lắp đặt các bộ lọc khí ở đầu máy thổi khí để giảm sự tắc do khí bẩn
	Van khí được điều chỉnh không đúng	Điều chỉnh van cho thích hợp
Không lên nước	Do chưa đóng điện	Đóng điện cho bơm
	Do đường ống bị nghẹt	Kiểm tra và thông đường ống
	Do động cơ bị cháy	Kiểm tra và quấn lại động cơ
	Do nhảy role	Đo dòng làm việc và hiệu chỉnh lại dòng định mức
	Do khí vào buồng bơm hoặc bơm bị tụt nước trong ống hút (bơm trực ngang)	Đuổi khí ra khỏi buồng bơm bằng cách đổ đầy nước, kiểm tra độ kín của lupê ở đầu ống hút

Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp khắc phục
	Cánh bơm bị kẹt bởi vật lạ	Tháo buồng bơm để lấy vật lạ ra
	Van một chiều của đầu hút hoặc đẩy bị kẹt (hở)	Tháo van ra xúc rửa hết cặn
	Màng bơm bị rách	Thay màng bơm
Máy hoạt động nhưng không lên khí	Do hệ thống phân phối khí bị tắc nghẽn	Mở van xả khí để đẩy cặn ra
	Đầu hút gió bị tắc	Vệ sinh đầu hút
	Buồng khí bị hư	Căn chỉnh lại trục khóa trong buồng khí hoặc thay mới

c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống thu gom, thoát nước thải

Hiện tại, để phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống thu gom, thoát nước thải, Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom, thoát nước thải.
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng đường ống thu gom, thoát nước thải.
- Nếu có sự cố xảy ra, phải lập tức ngưng các hoạt động phát sinh nước thải, sau đó tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục ngay lập tức.

d) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố từ kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm

Hiện tại, để phòng ngừa và ứng phó sự cố từ kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm, Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp sau:

- Các loại CTNH không lây nhiễm, chất thải lây nhiễm được vận chuyển về kho CTNH bằng các phương tiện chuyên dụng, đảm bảo an toàn.
- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho.
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ CTNH không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm.
- Nhân viên đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc CTNH không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị dụng cụ ứng cứu sự cố tại kho CTNH không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm. Hệ thống báo cháy, dập cháy phải được lắp tại vị trí thích hợp và kiểm tra thường xuyên để bảo đảm ở trạng thái sẵn sàng sử dụng tốt.

- Kho CTNH không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (hệ thống thông gió, chống sét, hệ thống cứu hoả,...).

- CTNH không lây nhiễm và chất thải lây nhiễm sẽ được Chủ dự án ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Để dự phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn phòng khám cần có những hiểu biết kỹ lưỡng về nguồn lây truyền các vi sinh vật gây bệnh và các đường lây truyền của những tác nhân này.

e) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lây nhiễm trong hoạt động khám chữa bệnh

Rửa tay

Rửa tay là biện pháp quan trọng nhất, ngăn ngừa lây lan vi sinh vật từ bệnh nhân này sang bệnh nhân khác qua tay các bác sĩ, điều dưỡng. Vấn đề này dễ bị xem thường và không tuân thủ đúng quy định.

Dùng dụng cụ vô khuẩn

Thực hiện nghiêm ngặt quy trình vô khuẩn: cọ rửa dụng cụ, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ đúng quy trình.

Bệnh nhân sử dụng dụng cụ riêng

Bơm, kim tiêm, các loại ống thông, ống hút, đồ dùng cá nhân,... dùng riêng cho từng bệnh nhân.

f) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố thang máy

Thang máy tại dự án hiện vẫn đảm bảo chất lượng an toàn, được bảo hành và kiểm tra định kỳ. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động thang máy vẫn có thể xảy ra các sự cố như: thang máy bị mất điện đột ngột, bị kẹt hoặc bung cửa, di chuyển vượt tốc đột ngột, dừng không đúng tầng. Để phòng ngừa các sự cố thang máy trên, Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Chú trọng việc kiểm tra, bảo trì và vệ sinh thang máy.
- Đối với vận chuyển hàng hóa, không mang hàng quá tải, công kênh với tuân suất liên tục.
- Gắn biển hướng dẫn xử lý khi gặp sự cố, hướng dẫn sử dụng và nội quy thang máy.
- Đào tạo kỹ năng xử lý sự cố thang máy cho nhân viên dự án.

g) Tia bức xạ

- Quản lý theo TCVN 6561: 1999 - An toàn bức xạ ion hoá tại cơ sở X-Quang y tế.
- Thiết bị X - quang phải đạt chuẩn và phải được kiểm định định kỳ.
- Nhân viên điều khiển X - Quang phải có bằng cấp về đào tạo X - Quang chẩn đoán và chứng chỉ về an toàn bức xạ.

- Xây dựng phòng chụp X – Quang đạt chuẩn theo quy định hiện hành:

+ Tường được trát, ốp vật liệu bền vững, sơn silicat; Tường bên trong các phòng chiếu, chụp phải sử dụng vật liệu cản tia xạ (chì lá).

+ Trần bên trong phòng và hành lang thiết kế có bề mặt phẳng, nhẵn (không bám bụi) và chống thấm, cách nhiệt tốt, lắp đặt các thiết bị chiếu sáng, phòng cháy, chữa cháy, điều hoà không khí. Trần bên trong các phòng chụp được trát bằng vữa barit

+ Cửa chắn tia bức xạ bọc vật liệu cản tia (chì lá, cao su chì,...). Có đèn hiệu, biển cảnh báo bức xạ ở ngang tầm mắt ở mặt phía bên ngoài phòng. Cửa đóng mở nhẹ nhàng, đảm bảo kín không để lọt tia xạ khi chiếu, chụp.

+ Cửa sổ có khuôn, cánh cửa bằng kim loại kết hợp với kính trong để chiếu sáng tự nhiên và có chốt đóng an toàn.

- Trang bị găng tay, áo chì cho người chụp X – Quang.

- Phòng X - Quang tại bệnh viện được lắp đặt vật liệu che chắn các tia bức xạ theo đúng yêu cầu kỹ thuật và dán nhãn cảnh báo nguy hại.

+ Thực hiện ứng phó sự cố bức xạ có thể xảy ra: Khi bệnh nhân đang ở vị trí chụp chiếu, có người lạ xâm nhập vào khu vực làm việc; Nhân viên vận hành đặt nhầm chế độ chiếu, chụp, thực hiện chiếu chụp sai so với chỉ định của bác sỹ, chiếu chụp nhầm người bệnh; Thiết bị hỏng gây ra chiếu xạ không đúng với dự định và phải chiếu chụp lại; Khi máy phát tia không ngừng,...

+ Đào tạo nhân viên: Cử nhân viên kỹ thuật tham gia các khoá huấn luyện về kiến thức an toàn bức xạ do các cơ quan, đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép hoạt động: đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện về lĩnh vực an toàn bức xạ; Chỉ có nhân viên có nghiệp vụ về X - quang mới được phân công nhiệm vụ vận hành máy.

+ Chính sách dự phòng sự cố an toàn bức xạ: Phân công nhân viên phụ trách an toàn bức xạ. Tất cả nhân viên bức xạ đều phải được tập huấn đầy đủ kiến thức về an toàn bức xạ và định kỳ phải được đào tạo lại kiến thức về an toàn bức xạ.

Kiểm tra và hiệu chỉnh định kỳ đối với các thiết bị bức xạ theo quy định của cơ quan kiểm soát bức xạ.

Tuyên truyền giáo dục kiến thức về an toàn bức xạ cho nhân viên và cho cộng đồng. Sử dụng các biện pháp quản lý hành chính trong kế hoạch phòng chống sự cố như: gắn biển báo cảnh báo nguy hiểm phóng xạ, nội quy an toàn phóng xạ được niêm yết công khai và dễ nhận biết cho cả bệnh nhân và nhân viên bức xạ, kiểm soát vùng ra vào của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu vực có thiết bị bức xạ.

Lập hồ sơ theo dõi tình hình sức khỏe cho nhân viên bức xạ. Có kế hoạch bố trí công tác hợp lý đối với các nhân viên bức xạ bị chiếu xạ hoặc quá liều.

Trang bị các phương tiện bảo hộ cũng như phương tiện dùng để ứng phó trong sự cố bức xạ: áo chì, yếm chì, găng tay chì,...

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

– Theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp, Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại phường 12, Quận 10, TP.HCM ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp thì Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh hoạt động với Cơ sở “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika” tại địa chỉ 262-264-266, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262-264-266, đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) hoạt động không thay đổi so với hồ sơ đã được cấp.

– Theo Giấy xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 05/GXN-TNMT-MT ngày 10 tháng 8 năm 2009, Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp thì Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh hoạt động với Cơ sở “Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa” tại địa chỉ 266A-268, đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 266A-268, đường 3 tháng 2, phường Hòa Hưng, TP.HCM) hoạt động không thay đổi so với hồ sơ đã được cấp.

Bảng 3. 16. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Nội dung thay đổi	Hồ sơ môi trường đã được phê duyệt	Nội dung trong giấy phép môi trường	Ghi chú
A	TRUNG TÂM Y KHOA KỲ HÒA			
1	Hệ thống xử lý nước thải			
1.1	Công suất	7,5 m ³ /ngày.đêm	20 m ³ /ngày.đêm	Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã cải tạo hệ thống xử lý nước thải từ 7,5 m ³ /ngày.đêm lên 20 m ³ /ngày.đêm được thể hiện trong hồ sơ ĐTM của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika” năm 2015, Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại phường 12,
1.2	Sơ đồ công nghệ	Nước thải → Bể tự hoại → Hồ thu gom → Sinh học hiếu khí – SBR → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận QCVN 40:2011/BTNMT, cột B	Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động lau sàn phát sinh của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng đứng (bùn dư → bể chứa bùn) →	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

			khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2) chảy vào hố ga giám sát → hố ga cuối trên đường 3/2 → Kênh Tàu Hủ	Quận 10, TP.HCM số 6275/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp + Hệ thống xử lý nước thải được đặt ở bên Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa + Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m ³ /ngày.đêm đặt tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, địa chỉ 266A-268 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10 (nâng cấp, cải tạo HTXL nước thải hiện hữu 7,5 m ³ /ngày.đêm lên 20 m ³ /ngày.đêm)
B	BỆNH VIỆN THẨM MỸ KỶ HÒA - MEDIKA			
1	Công suất	20 m ³ /ngày.đêm	20 m ³ /ngày.đêm	
2	Sơ đồ công nghệ	Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động lau sàn phát sinh của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh Trung	Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động lau sàn phát sinh của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh Trung tâm Y khoa Kỳ	Không thay đổi so với Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 52/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 13/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
 “Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
 Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

		tâm Y khoa Kỳ Hòa → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng đứng (bùn dư → bể chứa bùn) → khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2) chảy vào hố ga giám sát → hố ga cuối trên đường 3/2 → Kênh Tàu Hủ	Hòa → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng đứng (bùn dư → bể chứa bùn) → khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2) chảy vào hố ga giám sát → hố ga cuối trên đường 3/2 → Kênh Tàu Hủ	TP.HCM cấp và Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại phường 12, Quận 10, TP.HCM số 6275/GXN-TNMT-CCBVM ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp + Hệ thống xử lý nước thải được đặt ở bên Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa + Thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải y tế của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika về Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa để xử lý.
--	--	--	--	---

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, năm 2025)

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 6,9 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 1 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,2 m³/ngày.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,5 m³/ngày.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 6 m³/ngày.
- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2,5 m³/ngày.
- Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm tráng phim của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2 m³/ngày.
- Nguồn số 08: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 0,3 m³/ngày.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Trong giai đoạn hoạt động, tại cơ sở phát sinh lượng nước thải tối đa tại căn nhà 266A đường 3/2 là 20 m³/ngày.đêm, lưu lượng xả thải tối đa chủ cơ sở đề nghị cấp phép trong giai đoạn này là 20 m³/ngày.đêm.

(Theo công suất của HTXLNT 20 m³/ngày.đêm tại căn nhà 266A Đường 3/2)

1.3. Dòng nước thải

Trong quá trình hoạt động, số lượng dòng nước thải chủ cơ sở đề nghị cấp phép là 01 dòng thải sau hệ thống xử lý thoát ra hố ga đầu nổi nước thải cuối cùng trước khi chảy vào chung với cống thoát nước chung của khu vực trên đường 3/2. Nước thải sau xử lý đạt chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường 3/2 sau đó chảy ra Kênh Tàu Hủ.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước

Các chất ô nhiễm chủ cơ sở đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2. Cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	06 tháng/lần (Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	120		
3	BOD ₅	mg/l	60		
4	COD	mg/l	120		
5	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
6	Photphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
8	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
9	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	24		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		
12	H ₂ S	mg/l	4,8		
13	Amoni	mg/l	12		
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	1,2		
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2		

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải, cụ thể như sau:
 - + Vị trí đầu nối xả thải: Cổng thoát nước thành phố tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa và Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika số 262-264-266-266A-268 đường 3/2, phường 12, Quận 10, TP.HCM (Nay là 262-264-266-266A-268 đường 3/2, phường Hòa Hưng, TP.HCM).
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰): X(m) = 1191226; Y(m) = 600744.
 - + Phương thức xả nước thải: Tự chảy theo đường ống dẫn vào cổng thoát nước của Thành phố.
 - + Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Cổng thoát nước thành phố trên đường 3/2 sau đó chảy ra kênh Tàu Hủ.

1.6. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.6.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.6.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

– Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 6,9 m³/ngày được thu gom về 01 bể tự hoại bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn, sẽ theo đường ống nhựa PVC có đường kính D114mm, có tổng chiều dài 5m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 1 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,2 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika, lưu lượng 0,5 m³/ngày được thu gom bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên phòng khám, bệnh nhân của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 6 m³/ngày được thu gom về 02 bể tự hoại bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn, sẽ theo đường ống nhựa PVC có đường kính D114mm, có tổng chiều dài 5m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2,5 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động xét nghiệm tráng phim của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 2 m³/ngày được thu gom theo đường ống nhựa PVC có đường kính D90mm, có tổng chiều dài 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

– Nguồn số 08: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sản của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa, lưu lượng 0,3 m³/ngày được thu gom bằng các ống nhựa PVC có đường kính D90-114mm, có tổng chiều dài đường ống là 20m chảy vào hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.6.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.6.1.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 05 bể.
- Vị trí và kích thước thiết kế: xây dựng âm dưới nhà vệ sinh của 5 căn nhà (05 bể có thể tích mỗi bể 7 m³/bể).

– Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Tại Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

+ Tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.6.1.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm:

Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động lau sàn phát sinh của Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa → Song chắn rác → Bể thu gom → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng đứng (bùn dư → bể chứa bùn) → khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2) chảy vào hồ ga giám sát → hồ ga cuối trên đường 3/2 → Kênh Tàu Hủ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.6.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.6.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

– Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

– Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

– Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

– Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

– Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép, trường hợp hệ thống xử lý nước thải ngưng hoạt động, gặp sự cố do hư hỏng công trình đơn vị, thiết bị: Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng của Công ty; kiểm tra lại

các máy móc, thiết bị và quy trình vận hành nhằm khắc phục những sai sót; kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo lại hệ thống (nếu cần thiết). Trường hợp khắc phục sự cố kéo dài, Công ty cam kết sẽ tạm ngưng hoạt động các công đoạn phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong sự cố.

1.7. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo điểm g và điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

(Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 6275/GXN-TNMT-CCBVMT của Dự án “Bệnh viện thẩm mỹ Kỳ Hòa” tại phường 12, Quận 10, TP.HCM ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp và Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT của Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp).

1.8. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

– Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì bảo dưỡng hệ thống như kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn đường ống, vệ sinh thiết bị dò pH, kiểm tra máy thổi khí, châm dầu theo định kỳ 6 tháng/lần, kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm,...

– Luôn trang bị sẵn các thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí, vật liệu lọc,... Trong trường hợp có sự cố về thiết bị, sử dụng các thiết bị dự phòng để nhanh chóng khắc phục sự cố.

– Trong trường hợp xảy ra các sự cố lớn nằm ngoài tầm kiểm soát của nhân viên vận hành, ngưng hoạt động hệ thống, thông báo cho quản lý bộ phận, viết biên bản sự cố và ghi rõ nguyên nhân trong sổ tay vận hành. Trong trường hợp có sự cố nhưng vẫn để hệ thống hoạt động thì phải chuyển sang chế độ điều chỉnh bằng tay và chỉ sử dụng các thiết bị còn hoạt động được.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1 Nguồn phát sinh khí thải:

a) Các nguồn phát sinh bụi, khí thải không có hệ thống xử lý khí thải:

+ Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA.

b) Các nguồn phát sinh bụi, khí thải có hệ thống xử lý khí thải: Không có.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Trong giai đoạn hoạt động, tại cơ sở phát sinh lượng khí thải tối đa là 1.250 m³/giờ, lưu lượng xả thải tối đa chủ cơ sở đề nghị cấp phép là 1.250 m³/ngày.

+ Nguồn số 01: Khí thải, bụi từ máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA, lưu lượng xả khí thải tối đa: 1.250 m³/giờ.

=> **Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa là: 1.250 m³/giờ.**

2.3. Dòng khí thải:

Trong giai đoạn hoạt động, số lượng dòng khí thải chủ cơ sở đề nghị cấp phép là 2 dòng khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA (nguồn số 01), lưu lượng quạt hút: 1.250 m³/giờ.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, K _p = 1, K _v = 0,6	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	CO	mg/Nm ³	600	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	SO ₂	mg/Nm ³	300		
3	NO _x	mg/Nm ³	510		
4	Bụi	mg/Nm ³	120		
5	Lưu lượng	m ³ /h	--		

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải:

Bảng 4. 2. Vị trí, phương thức xả khí thải của từng nguồn phát sinh

STT	Vị trí	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực TP.HCM: 105°45', múi chiều 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X (m)	Y (m)	
1	Ống thoát khí của máy phát điện dự phòng, công suất 125 kVA	1191269	600689	Xả trực tiếp

- Phương thức xả thải:

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói theo phương thức quạt hút cưỡng bức, xả gián đoạn.

Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh.

2.6. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.6.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

2.6.1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống thoát khí (kích thước D200x200mm, chiều cao 20m).

2.6.1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (tương ứng nguồn số 01):
 - + Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống thải ra môi trường.
 - + Thông số kỹ thuật: Xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí (kích thước D200x200mm, chiều cao 20m, vật liệu sắt).
 - + Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

2.6.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom bụi, khí thải của máy phát điện dự phòng.
- Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 0,6$).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh:

Trong giai đoạn hoạt động Bệnh viện nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ các nguồn sau:

- + Nguồn số 1: Khu vực máy phát điện dự phòng; tọa độ: X(m): 1191268; Y(m): 600689.
- + Nguồn số 2: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải, công suất 20 m³/ngày.đêm; tọa độ: X(m): 1191268; Y (m): 600688.

(Sử dụng hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	---------------------	-------------------	----------------------------	---------

1	70	55	-	Khu vực thông thường: Các điểm ngoài hàng rào khu vực Cơ sở.
---	----	----	---	--

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

Bảng 4. 4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường: Các điểm ngoài hàng rào khu vực Cơ sở.

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

3.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm; không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị. Vận hành thiết bị theo quy trình, quy phạm.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc; sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các bộ phận thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất;

- Bố trí các máy móc trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý;

- Các máy có độ ồn cao sẽ được lắp đặt trên đệm cao su sao cho độ ồn được giảm tối đa;

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ các dụng cụ chống ồn (nút bịt tay, mũ, quần áo bảo hộ,...).

3.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng; lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Lắp đặt máy móc thiết bị đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên kệ máy kiên cố;

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ các dụng cụ chống ồn (nút bịt tay, mũ, quần áo bảo hộ,...).

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Bảng 4.3 và Bảng 4.4.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

4. Quản lý chất thải

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) *Khối lượng, chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh:*

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, chất thải không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu, được phẩm hết hạn, kém phẩm không còn khả năng sử dụng)	13 01 01	11.500

b) *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khoảng **1.007 kg/năm** với thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	70
2	Pin thải	Rắn	16 01 12	NH	10
3	Giẻ lau, bao tay thải dính TPNH	Rắn	18 02 01	KS	24
4	Hộp mực in thải có các TPNH	Rắn	08 02 04	KS	24
5	Bao bì mềm thải	Bùn	18 01 01	KS	24
6	Dầu động cơ	Lỏng	17 02 03	NH	24
7	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	KS	806
Tổng khối lượng phát sinh					982

c) *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

STT	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải là vật liệu nhựa, không thấm, dính,	13 01 05	12.480

	chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại		
2	Chất thải là vật liệu giấy không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại	13 01 05	1.630
3	Chất thải là vật liệu thủy tinh không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh	13 01 05	810
Tổng khối lượng			14.920

d) *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:*

TT	Chủng loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	160.160
	Tổng khối lượng	160.160

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Số lượng thùng chứa: 50 thùng 15 lít – 25 lít; 01 thùng chứa các mẫu bệnh phẩm, mô,... dung tích 60 lít.
 - + Màu sắc: Màu vàng.
 - + Vật liệu: Nhựa HDPE.
 - + Bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.
- Kho lưu chứa:
 - + Diện tích kho: 4m², riêng biệt với các kho lưu chứa khác.
 - + Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn, có trang bị thiết bị PCCC, ứng phó sự cố tràn đổ.
 - + Vị trí: tại căn nhà 268.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng nhựa HDPE chứa CTNH, dung tích 45 lít – 60 lít, bao

PE/PP có dán nhãn phân loại.

- Kho lưu chứa: Diện tích: 3 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Mái che kín nắng mưa, nền bê tông để chống thấm; xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo, có dán nhãn phân loại từng mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 02 bao PP, loại 150 kg, có dán nhãn phân loại.
- Kho lưu chứa: Diện tích: 4 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Nền và vách bằng bê tông thông thoáng, có cửa đóng mở, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

4.2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng nhựa HDPE (có nắp đậy), dung tích 240 lít.
- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại Cơ sở có diện tích 5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu tập kết: Có nền bê tông chống thấm, mái che.

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

– Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

– Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố môi trường khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

– Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

– Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ, các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng nhằm khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra. Nhân viên được hướng dẫn, tập huấn các phương pháp phòng chống cháy nổ. Thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy phải đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong suốt thời gian hoạt động, Cơ sở chủ động thực hiện tốt và chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước mưa, các công trình lưu trữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại) đều hoạt động tốt, đảm bảo xử lý tốt các chất thải phát sinh, không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2023 và năm 2024, hình thức thu gom, xử lý tại cơ sở như sau:

Bảng 5. 1. Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong 2 năm gần nhất

STT	Nội dung	Năm 2023 (m ³ /năm)	Năm 2024 (m ³ /năm)
1	Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở	4.094	4.491
2	Hình thức xử lý	Nước thải sinh hoạt phát sinh tại bệnh viện sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ cùng với nước thải y tế, nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh xử lý chung với nước thải của Trung tâm y khoa Kỳ Hòa, công suất 20 m ³ /ngày.đêm. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải sau xử lý sẽ thoát ra cống thoát nước chung của Thành phố.	

Thời gian hoạt động: 24/24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian làm việc 352 ngày/năm.

Năm 2023: Tổng lượng nước thải phát sinh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh là 11,63 m³/ngày. Trong đó, lượng nước thải từ Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika là 7,3 m³/ngày gồm nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh, nước thải từ Trung tâm y khoa Kỳ Hòa là 4,33 m³/ngày.

Năm 2024: Tổng lượng nước thải phát sinh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh là 12,76 m³/ngày. Trong đó, lượng nước thải từ Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika là 8,54 m³/ngày gồm nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh, nước thải từ Trung tâm y khoa Kỳ Hòa là 4,22 m³/ngày.

- Tổng lưu lượng nước trao đổi nhiệt năm 2023, năm 2024: không có.
- Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2022, năm 2023, năm 2024:

Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga cuối vào ngày 21/04/2022; 03/06/2022;
23/09/2022; 29/11/2022.

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải năm 2022

Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số quan trắc hiện trường	Nhóm thông số hóa lý										Nhóm thông số thủy sinh			
		pH	TSS	BOD ₅	COD	Sunfua	Amoni	NO ₃ -	PO ₄ ³⁻	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Dầu mỡ ĐTV	Coliform	Salmonella	Shigella	Vibrio cholerae
		--	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	Bq/L	Bq/L	mg/L	MPN/100mL	VK/100ml	VK/100ml	VK/100ml
Điểm quan trắc 1	NT01	7,15	< 15	32	74	0,4	4,66	3,9	3,75	KPH	KPH	KPH	1.200	KPH	KPH	KPH
	NT02	6,98	26	25	51	0,12	5,9	0,34	4,09	KPH	KPH	1,8	3.500	KPH	KPH	KPH
	NT03	6,74	36	34	72	0,27	4,25	0,47	2,22	KPH	KPH	1,2	3.100	KPH	KPH	KPH
	NT04	6,76	16	21	48	KPH	6,01	2,93	0,17	KPH	KPH	1,7	2.600	KPH	KPH	KPH
QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, k =1,2		6,5 – 8,5	120	60	120	4,8	12	60	12	0,12	0,12	24	5.000	KPH	KPH	KPH

(Nguồn: Công ty Công ty CP Xây dựng & Môi trường Đại Phú, Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh lao động (COSHET), năm 2022)

Nhận xét: Chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí xả nước thải có các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, k = 1,2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thông số quan trắc														
		pH	TSS	BOD ₅	COD	Sunfua	Amoni	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Dầu mỡ ĐTV	Coliform	Salmonella	Shigella	Vibrio cholerae
		--	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	Bq/L	Bq/L	mg/L	MPN/100mL	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml
NT	228-03/23-3.3NT2	6,82	25	25	56	KPH	6,55	3,14	0,31	KPH	KPH	2,3	3.200	KPH	KPH	KPH
	418-05/23-3.12NT2	7,26	12	16	38	0,17	5,52	0,04	4,65	KPH	KPH	1,7	2.800	KPH	KPH	KPH
	HA.23.08 058	6,69	23	18	44	KPH	8,4	0,21	6,10	-	-	KPH	1.200	KPH	KPH	KPH
	HA.23.11 602.6	6,82	29	20	53	KPH	10,5	7,4	3,03	-	-	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, k=1,2		6,5 – 8,5	120	60	120	4,8	12	60	12	0,12	0,12	24	5.000	KPH	KPH	KPH

Nhận xét: Chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí xả nước thải có các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B, k = 1,2: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Kết quả quan trắc khí thải tại máy phát điện dự phòng vào ngày 21/04/2022;
 03/06/2022; 23/09/2022; 29/11/2022:

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2022

Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm Thông số			
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO
		mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
Điểm quan trắc 2	KT01	89	83	252	471
	KT02	48	12,8	43,7	142,6
	KT03	41	7,66	79,7	90,5
	KT04	54	12,8	63,7	63,7
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B k_p = 1,0; k_v=1,0		200	500	850	1.000

(Nguồn: Công ty Công ty CP Xây dựng & Môi trường Đại Phú, Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh lao động (COSHET), năm 2022)

Kết quả quan trắc khí thải tại máy phát điện dự phòng vào ngày 22/03/2023;
 10/05/2023; 29/09/2023; 08/12/2023

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2023

Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thông số quan trắc			
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO
		mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
KT	228-03/23-3.3L	42	8,24	35,6	50,2
	418-05/23-3.12L	34	KPH	28,6	34,5
	HA.23.08055	42,2	53	142	96
	HA.23.11602.4	70,3	69	282	75
QCVN 19:2009/BTNMT Cột B k_p = 1,0; k_v=1,0		200	500	850	1.000

(Nguồn: Công ty Công ty CP DV TVMT Hải Âu, năm 2023)

Nhận xét: Kết quả phân tích khí thải tại ống khói máy phát điện của Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa – Medika và Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chuyển giao xử lý năm 2023, năm 2024:

Bảng 5. 6. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRS	Khối lượng năm 2023 (tấn)	Khối lượng năm 2024 (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS
1	Chất thải rắn sinh hoạt	11	10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 10
	Tổng cộng	11	11	

(Nguồn: Báo cáo Công tác Bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2023, 2024)

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chuyển giao xử lý năm 2023, năm 2024:

Bảng 5. 7. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng năm 2023 (kg)	Khối lượng năm 2024 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT
	Giấy báo, bao nylon, nhựa, plastic, PVC, vỏ hộp kim loại	3.900	3.600	Hộ kinh doanh Tam Hồng Phát

(Nguồn: Báo cáo Công tác Bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2023, 2024)

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh chuyển giao xử lý năm 2023, năm 2024:

Bảng 5. 8. Thống kê chất thải nguy hại

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2024 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	7	HR	Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc	15
Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại (keo thải)	08 03 01	-	TĐ		0
Dầu động cơ, hộp	17 02 03	-	TĐ		0

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Bệnh viện Thẩm mỹ Kỳ Hòa - Medika và Phòng khám đa khoa thuộc chi nhánh Công ty Cổ phần
Đầu tư Khang Minh – Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa”

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2024 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
số và bột trơn thải					
Bao bì có chứa TPNH	18 01 01	-	TĐ		0
Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	-	TĐ		0
Linh kiện điện tử	16 01 13	-	TĐ		0
Hộp mực in	08 02 04	-	TĐ		0
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	-	TĐ-C		0
Tổng khối lượng		7			15

(Nguồn: Báo cáo Công tác Bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh, 2023, 2024)

Ghi chú: TĐ: Thiêu đốt; HR: Hóa rắn; CL: Cô lập/Đóng kén; C: Chôn lấp; PT: Phân tách/chiết/lọc; TC: Thu hồi tái chế.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận
			Hiện hữu (Theo sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại năm 2023)	Hiện hữu (Theo sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại năm 2024)	
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn, chất thải không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu)	13 01 01	5.880	10.962	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	-	76	92	
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	-	5.804	10.870	

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Công an Quận 10 thực hiện Quyết định kiểm tra số 29/QĐ-KT ngày 24/01/2024 kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh – Bệnh viện Medika.

Theo kết luận kiểm tra ngày 02/02/2024 của Công an Quận 10 cho thấy Chi nhánh trong quá trình hoạt động kinh doanh đã có hành vi vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường do mẫu nước thải có 04 thông số vượt chỉ tiêu so với QCVN 28:2010/BTNMT với lượng nước thải trung bình 1 ngày đạt 2,83 m³.

Qua kết quả phân tích, kiểm nghiệm mẫu nước thải do Công ty TNHH khoa học công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam cung cấp trong đó 04 thông số vượt chỉ tiêu so với QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2 là COD vượt 1,067 lần, TSS vượt 1,4583 lần, Amoni vượt 2,975 lần và Tổng Coliforms vượt 4,6 lần, với lượng nước thải trung bình 1 ngày đạt 2,83 m³ đã vi phạm vào điểm a khoản 4 Điều 18 Nghị định 45/2022/NĐ-CP.

Do đó, Công An Quận 10 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành vi vi phạm hành chính số 0008414/QĐ-XPHC ngày 5/2/2024 với số tiền 39.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả và tiến hành lấy mẫu nước thải sau xử lý để kiểm tra thì chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2. Đồng thời ngày 06/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Khang Minh đã nộp tiền xử lý vi phạm hành chính (*đính kèm biên lai đóng phí*).

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo **điểm g và điểm h khoản 1, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022** của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 6275/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 29/6/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 2) số 1286/GP-STNMT-TNNKS ngày 31/12/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp và Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-TNMT ngày 29 tháng 01 năm 2010 do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10 cấp.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.1.1. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.1.2. Quan trắc khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không có trạm quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất chủ cơ sở.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ tại Điều 98 và quan trắc nước thải tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 6, Điều 112, Luật Bảo vệ môi trường 2020 khuyến khích doanh nghiệp thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải của mình. Do đó, Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải 01 lần/năm. Cụ thể như sau:

– Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NO₃⁻ (tính theo N), PO₄⁺ (tính theo P), S₂⁻, NH₄⁺, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Tổng dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại hố ga giám sát.
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.
- Quy chuẩn áp dụng: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1, các chỉ tiêu còn lại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K = 1,2.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6. 1. Kinh phí quan trắc môi trường

STT	Nội dung	Số lượng (mẫu)	Tần suất (lần/năm)	Đơn giá (VNĐ)	Kinh phí
1	Quan trắc môi trường nước thải (2 lần/năm)	01	2	5.000.000	10.000.000
2	Chi phí viết báo cáo	01	1	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng					15.000.000

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi xin đảm bảo tính chính xác, trung thực về các số liệu của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chúng tôi cũng xin bảo đảm rằng các tiêu chuẩn, định mức của các nước và các tổ chức Quốc tế được trích lục và sử dụng trong Báo cáo của chúng tôi đều chính xác và đang có hiệu lực.

Chúng tôi cũng xin cam kết sẽ thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở như sau:

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở:
 - + Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
 - + Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước.
 - + Kiểm soát ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế.
 - + Biện pháp phòng cháy chữa cháy.
 - + Biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố;
- Chủ cơ sở cam kết xử lý nước thải đạt quy chuẩn Việt Nam và vận hành công trình xử lý môi trường trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở, tuân thủ theo các quy chuẩn môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo hệ thống kết cấu hạ tầng của cơ sở: hệ thống cấp thoát nước; hệ thống giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc và công trình xử lý môi trường.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường và lập báo cáo công tác môi trường định kỳ 1 năm/lần, gửi về Cơ quan có thẩm quyền.
- Chủ cơ sở nghiêm túc thực hiện các quy chuẩn môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở, cụ thể:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
 - + QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
 - + QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.
- Chủ đầu tư cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO